



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 03/2025

Từ 20/01 - 24/01/2025

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN

BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT

QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN



Xuân
ẤT TỴ
2025



Chúc Mừng Năm Mới!

Nhân dịp xuân Ất Tỵ 2025,

Kính chúc các đồng chí cùng gia đình an khang, thịnh vượng và thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi phương châm hành động của Chính phủ

“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá”

HAPPY NEW YEAR

TỔNG BÍ THƯ: CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP LẦN THỨ HAI BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ TỔNG KẾT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW*

Ngày 21/01/2025, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã tổ chức Phiên họp lần thứ hai.

Triển khai việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đúng mục tiêu, yêu cầu và tiến độ

Theo báo cáo tại Phiên họp, đến nay, sau hơn 2 tháng tổ chức triển khai nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, Ban Chỉ đạo đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo) và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và đã đạt những kết quả rất tích cực.

Ban Chỉ đạo tham mưu ban hành 1 Nghị quyết (Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024), 1 quy định của Ban Chấp hành Trung ương; 22 kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; 39 văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai các hoạt động liên quan tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; chỉ đạo gợi ý, định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương; chỉ đạo triển khai quyết liệt, bài bản, khoa học, dân chủ, đồng bộ theo hướng Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng.

Trung ương, đã giảm 119 đầu mối cấp vụ của cơ quan, ban đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, dự kiến giảm 4 cơ quan Đảng Trung ương; 25 ban cán sự đảng, 16 đảng đoàn ở Trung ương; 5 cơ quan của Quốc hội, 13 đầu mối cấp vụ, đơn vị; 5 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 3 cơ quan thuộc Chính phủ, 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương (100%); 519 cục và tổ chức tương đương; 219 vụ và tổ chức tương đương; 3.303 chi cục và tương đương; 203 đơn vị sự nghiệp công lập; 227 đầu mối thuộc tòa án nhân dân các cấp; 108 đầu mối thuộc ngành kiểm sát nhân dân...

Địa phương dự kiến giảm 66 đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và 264 cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy; 63 cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh; 644 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; 694 cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện; 340 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 1.438 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành hơn 70 văn bản xin ý kiến, báo cáo, góp ý, thẩm định liên quan; xây dựng tờ trình, báo cáo về những nội dung liên quan tổng kết trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến tại 7 phiên họp; tham mưu 28 dự thảo kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (đã xin ý kiến, tổng hợp, tiếp thu hơn 1.000 lượt ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

Đến nay, cơ bản đã tham mưu, hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết kèm theo dự thảo Tờ trình của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, trình Hội nghị Trung ương tới đây.

Bên cạnh đó, kết quả tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW vừa qua đã đề ra một số bài học kinh nghiệm: Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có quyết định, chủ trương, định hướng tổng kết rất đúng, rất trúng, đúng thời điểm trên cơ sở kế thừa những kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW từ năm 2018 và có đầy đủ căn cứ khoa học, chính trị, pháp lý và thực tiễn chín muồi; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, công khai, minh bạch thông tin, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thống nhất với quyết tâm chính trị cao nhất của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở; đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

Quá trình thực hiện khẩn trương, tích cực, nghiêm túc, thông suốt, nhịp nhàng, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện được triển khai theo phương châm “vừa chạy, vừa xếp hàng,” “Trung ương không chờ địa phương, tỉnh không chờ huyện, huyện không chờ cơ sở” với cách làm bài bản, khoa học, dân chủ.

Ban Chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị liên quan có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để bộ máy mới ổn định, vận hành hiệu quả

Kết thúc Phiên họp, thay mặt Ban Chỉ đạo, Tổng Bí thư Tô Lâm ghi nhận và đánh giá cao Ban Tổ chức Trung ương (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo), Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc nỗ lực, cố gắng vượt bậc để hoàn thành khối lượng công việc rất lớn, rất hiệu quả với cách làm mới, quyết liệt, đúng định hướng và kế thừa được những kết quả triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW từ năm 2018.

Các cơ quan, ban đảng Trung ương, Chính phủ, Quốc hội và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương đã đi đầu nêu gương, khẩn trương triển khai rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp đầu mối bên trong, hoàn thành các nhiệm vụ vượt tiến độ yêu cầu và theo đúng định hướng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo.

Ban Tổ chức Trung ương đã cụ thể hóa các nhiệm vụ cần triển khai, xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn cụ thể các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị về bước đi, lộ trình thực hiện bài bản, bảo đảm cơ sở để bộ máy mới đi vào hoạt động hiệu lực, hiệu quả ngay, thông suốt, không để gián đoạn công việc.

Chính phủ đã khẩn trương ban hành các chính sách bảo đảm quyền, lợi ích của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, góp phần giải tỏa tâm tư, tạo thuận lợi trong quá trình sắp xếp.

Quốc hội đã chủ động, khẩn trương rà soát, rút gọn quy trình, thủ tục cùng các cơ quan nghiên cứu, chuẩn bị nội dung để kịp thời trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung, điều chỉnh các luật, văn bản quy phạm pháp luật nhằm đồng bộ, tạo thuận lợi trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo quy định.

Các địa phương đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện việc tổng kết; rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong; nghiên cứu, đề xuất phương án tinh gọn, kết thúc hoạt động, sáp nhập, hợp nhất các cơ quan đồng bộ theo chỉ đạo của Trung ương.

Tổng Bí thư khẳng định, kết quả đạt được thời gian qua là do có sự đồng lòng, quyết tâm cao của các thành viên Ban Chỉ đạo trong chỉ đạo các ban, bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm việc triển khai theo đúng mục tiêu, yêu cầu và tiến độ đề ra.

Quá trình triển khai thực hiện rất quyết liệt với phương châm “vừa chạy, vừa xếp hàng,” theo tinh thần “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”; quán triệt nguyên tắc tuân thủ quy định của Hiến pháp, chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; không ngại khó, không ngại thách thức, không cầu toàn. Các cơ quan, đơn vị đã có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên; được cán bộ, đảng viên đồng thuận và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Tổng Bí thư lưu ý, Ban Chỉ đạo xác định việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy không chỉ làm một lần, kết quả đạt được vừa qua rất quan trọng nhưng mới chỉ bước đầu, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để bộ máy mới ổn định, vận hành hiệu quả, nâng cao hiệu lực hoạt động.

Tổng Bí thư yêu cầu, Ban Chỉ đạo thống nhất duy trì hoạt động và tiếp tục thực hiện tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, đặc biệt là các nhiệm vụ cần thực hiện trong năm 2025.

Ban Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các nội dung mới để bổ sung, hoàn thiện các dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, làm cơ sở tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết Đại hội về tiếp tục hoàn thiện mô hình của hệ thống chính trị, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động.

** Tiêu đề do Ban biên tập đặt.*

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

CHÍNH PHỦ: THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ (SỬA ĐỔI)

Ngày 21/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết 17/NQ-CP về việc thông qua dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi). Trong đó, Chính phủ giao Bộ Nội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi).

Theo Nghị quyết, Chính phủ cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) do Bộ Nội vụ trình tại Tờ trình số 417/TTr-BNV ngày 19/01/2025.

Chính phủ giao Bộ Nội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm về nội dung tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi); phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội; chủ động báo cáo, giải trình trong quá trình thẩm tra, tiếp thu ý kiến của ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi), giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi), trình Quốc hội theo tiến độ tại văn bản số 1144/UBTVQH15-PL ngày 13/01/2025 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

10 SỰ KIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trân trọng giới thiệu 10 sự kiện cải cách hành chính năm 2024. Cụ thể:

01. Các cơ quan hành chính nhà nước tập trung xây dựng phương án sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, góp phần thực hiện thành công cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy

Cải cách tổ chức bộ máy có nhiều đột phá mang tính cách mạng. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, cả hệ thống đã vào cuộc khẩn trương, quyết liệt với tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng”, tập trung ưu tiên nguồn lực triển khai các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, các Bộ, ngành, địa phương đã và đang khẩn trương rà soát, đánh giá và đề xuất các phương án sắp xếp, tinh gọn bộ máy thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao. Thực hiện Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan tham mưu trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; tích cực đề xuất cơ chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm cơ sở để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đây là khối lượng công việc rất lớn, phức tạp, nhạy cảm của Đảng, song với sự thống nhất về nhận thức và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, kết quả đến nay đã cơ bản hoàn thành để báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương.

02. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua 51 nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025

Trong năm 2024, cải cách chính quyền địa phương có nhiều chuyển biến rõ nét. Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương để kịp thời xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025: sắp xếp 37 đơn vị hành chính cấp huyện và 1.178 đơn vị hành chính cấp xã, sau sắp xếp giảm 09 đơn vị cấp huyện và 563 đơn vị cấp xã; đồng thời, thành lập mới, nâng cấp 325 đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, góp phần tạo ra một diện mạo mới về hệ thống tổ chức đơn vị hành chính đô thị ở Việt Nam. Ngoài ra, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết thành lập TP. Huế trực thuộc Trung ương với tỷ lệ đại biểu Quốc hội tán thành rất cao. Như vậy, từ ngày 01/01/2025, cùng với Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ, Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương thứ 6 của Việt Nam.

03. Hoàn thành 04/06 nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII đảm bảo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả

Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tập trung cao độ xây dựng Tờ trình và Báo cáo trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành Kết luận số 83-KL/TW làm cơ sở để trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/QH15; tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương thảo luận kỹ lưỡng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện 04/06 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công. Trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng 30% (từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng 10% tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị được đồng đảo cán bộ, công chức, viên chức phân khởi đón nhận; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội có tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội được dư luận đồng tình, đánh giá cao.

04. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đột phá

Chế độ công vụ, công chức tiếp tục được đổi mới, cải cách mạnh mẽ. Cơ chế, chính sách về công chức, công vụ được rà soát, hoàn thiện bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng, phù hợp với yêu cầu đổi mới, cải cách công vụ; phân cấp triệt để trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời, kiên trì đề xuất với Chính phủ bỏ thi nâng ngạch đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý và thăng hạng

viên chức được xã hội đồng thuận và đánh giá cao. Chính phủ đã ban hành 06 nghị định, Bộ Nội vụ ban hành 05 thông tư để hoàn thiện các tiêu chuẩn, thể chế, chính sách về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Một số chính sách nổi bật như:

Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, xác định cụ thể tiêu chuẩn cho từng chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp Thứ trưởng và tương đương tới cấp Phó phòng và tương đương, làm căn cứ cho công tác đánh giá, xem xét, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với 8 nhóm chính sách lớn, bảo đảm quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, góp phần thực hiện mục tiêu sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Theo đó, Nghị định quy định những chính sách đột phá vượt trội, tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hút, trọng dụng nhân tài vào làm việc trong khu vực công.

05. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó, xác định nhiều nhiệm vụ, giải pháp, định hướng cho cải cách hành chính trong thời gian tới

Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng ta trong bối cảnh thế giới đang chuyển mình mạnh mẽ do Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết đã xác định vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên và khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo như: Đầu tư tài chính, phát triển nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính và khuyến khích hợp tác công - tư. Tầm nhìn này hướng tới việc tháo gỡ các rào cản lâu nay trong hệ thống, từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cá nhân phát triển mạnh mẽ hơn.

06. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế đạt nhiều kết quả tích cực, nhiều thể chế quan trọng đã được thông qua, góp phần tiếp tục đổi mới, khơi thông nguồn lực phát triển

Trong năm 2024, Chính phủ tổ chức 11 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, qua đó kịp thời chỉ đạo, định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng pháp luật, kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng các luật, các dự án văn bản quy phạm pháp luật. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã

chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát các văn bản pháp luật, xác định vướng mắc, điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ ở tầm luật, trong đó chú trọng vào lĩnh vực pháp luật về phân cấp, ủy quyền, cắt giảm thủ tục hành chính và một số lĩnh vực quan trọng khác.

07. Giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông và đơn giản hóa quy định kinh doanh có nhiều đổi mới và đạt được kết quả tích cực

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất. Bước đầu triển khai đã đạt một số kết quả tích cực (đến tháng 11/2024, phần mềm dịch vụ công liên thông đã thu nhận 301.330 hồ sơ đăng ký liên thông nhóm thủ tục khai sinh và 73.973 hồ sơ đăng ký liên thông nhóm thủ tục khai tử);

Theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024, có 05 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh) được giao triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian thí điểm đến hết tháng 11/2025. Thực hiện Mô hình này không chỉ tạo sự đổi mới về mặt tổ chức mà còn thúc đẩy cải thiện các quy trình, nâng cao tính chuyên nghiệp, giảm sự trùng lặp và góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của mô hình Bộ phận Một cửa “truyền thống”, tạo bước đột phá, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, doanh nghiệp. Kết quả triển khai đến nay, trên cơ sở quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Quảng Ninh đã thông qua Nghị quyết về việc thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công; rà soát kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm để triển khai các nhiệm vụ được giao.

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, theo đó, đặt mục tiêu đến năm 2025 phải cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% quy định kinh doanh, tương ứng khoảng 3.160 quy định kinh doanh trên tổng số 15.801 quy định kinh doanh. Trong năm 2024, các Bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa 420 quy định kinh doanh. Kết quả lũy kế từ năm 2021 đến nay, các Bộ, cơ quan đã ban hành hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa 3.195 quy định kinh doanh tại 281 văn bản quy phạm pháp luật, đạt 20,2%, hoàn thành chỉ tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 68/NQ-CP.

08. Khung pháp lý phục vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được hoàn thiện một bước với nhiều thể chế quan trọng được ban hành

Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số được triển khai mạnh mẽ, quyết liệt. Bộ Chính trị thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia do Tổng Bí thư Tô Lâm làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo. Nhiều thể chế quan trọng được ban hành, tạo cơ sở thúc đẩy phát triển mạnh mẽ Chính

phủ số, như: Luật Dữ liệu; các nghị định về cơ sở dữ liệu, quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng, quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước,...

Chất lượng dịch vụ công trực tuyến được cải thiện: Gần 4.500 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cấp kết quả bản điện tử tại các bộ, ngành, địa phương đều tăng so với cùng kỳ năm 2023; 63/63 tỉnh có chính sách giảm phí, lệ phí và 15/63 tỉnh có chính sách giảm thời gian để khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

09. Cải cách tài chính công đạt được nhiều kết quả tích cực, kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Cải cách tài chính công được quan tâm, đẩy mạnh, thể chế, cơ chế chính sách ngày càng đồng bộ, toàn diện và nâng cao tính công khai, minh bạch, nhiều thể chế, chính sách quan trọng được ban hành, như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công (sửa đổi) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính... đã kịp thời tháo gỡ ngay những điểm nghẽn, nút thắt về cơ chế, chính sách, tích cực tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thu hút đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công; bổ sung nguồn lực cho ngân sách nhà nước; ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát hiệu quả nợ công. Bên cạnh đó, đã có những giải pháp chính sách tài khóa, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp với quy mô hỗ trợ khoảng 200 nghìn tỷ đồng; thực hiện giảm mức thu phí, lệ phí từ 10% đến 50%. Các Bộ, ngành, địa phương đã tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, đã phát hiện và xử lý nghiêm đối với các trường hợp sai phạm; qua thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị xử lý tài chính với số tiền hơn 100.000 tỷ đồng.

10. Đề án 06 tiếp tục được triển khai quyết liệt, hiệu quả, phục vụ đắc lực các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

100% hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã kết nối với VneID; 44/53 dịch vụ công thiết yếu đã được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ, xác thực, làm sạch dữ liệu với 18 Bộ, ngành, 63 địa phương, 04 doanh nghiệp nhà nước; kích hoạt gần 60 triệu tài khoản định danh điện tử, tiếp nhận hơn 1,8 tỷ yêu cầu xác thực; Bộ Công an đã cấp trên 87,7 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip. Các Bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực, trong đó Lĩnh vực giáo dục đã có 11.400/14.663 cơ sở giáo dục tham gia thí điểm đã thực hiện việc tạo lập học bạ số cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 năm học 2023 - 2024 (đạt tỷ lệ 77,75%), với tổng số 4.591.288/7.092.233 học bạ số cấp tiểu học (đạt tỷ lệ 64,74%); Lĩnh vực ngân hàng đã có hơn 50 triệu hồ sơ khách hàng được thu thập, đối chiếu thông tin sinh trắc học với căn cước công dân gắn chip và qua ứng dụng VneID; Lĩnh vực y tế: Bệnh viện Bạch

Mai đã phối hợp Bộ Công an (C06) ký kết Kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện 16 nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06. Bộ Công an đã dự thảo Quy chế phối hợp liên thông dữ liệu khám chữa bệnh giữa các Bệnh viện, hiện đang xin ý kiến các đơn vị trước khi ban hành.

Bên cạnh đó, một số tính năng của VneID được người dân hưởng ứng cao như: (1) Sổ sức khỏe điện tử: đã tích hợp 15.079.599 thông tin công dân vào Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; 12.518/12.693 cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế gửi dữ liệu theo chuẩn của Quyết định 4750/QĐ-BYT của Bộ Y tế (đạt tỷ lệ 98,62%); 32,06 triệu hồ sơ đã gửi lên Cổng tiếp nhận Bộ Y tế; trong đó có 911.696 hồ sơ gửi dữ liệu giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh, 2.629.117 hồ sơ gửi dữ liệu giấy hẹn khám lại. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp: có 58/63 địa phương đã chính thức triển khai cấp Phiếu lịch Tư pháp trên VNeID, 05 địa phương (Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Vĩnh Long) đã hoàn thành xong việc kiểm tra an ninh, an toàn nhưng chưa hoàn thành vận hành thử để triển khai chính thức, còn tỉnh Đồng Tháp đang khắc phục kiểm tra an ninh an toàn hệ thống. Từ sau Hội nghị bấm nút triển khai chính thức Cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID trên toàn quốc ngày 02/10/2024, đến nay đã phát sinh 38.079 hồ sơ trên ứng dụng VneID, trong đó, kết quả triển khai của một số địa phương điển hình: TP. Hà Nội (14.365 hồ sơ); Thừa Thiên Huế (1.431 hồ sơ); TP. Hồ Chí Minh (2.696 hồ sơ). (3) Định danh tổ chức: đã thực hiện đối soát, làm sạch 320.996 dữ liệu thuế doanh nghiệp và 4.065.164 dữ liệu thuế cá nhân, đồng thời đã dự thảo tài liệu tập huấn cán bộ về triển khai định danh tổ chức.

Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO MỘT SỐ DỰ ÁN LUẬT, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 17/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 154/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, dự thảo nghị quyết được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.

Theo Quyết định, phân công Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi), trình Chính phủ trong tháng 01/2025.

Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14, trình Chính phủ trong tháng 02/2025.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ do Bộ Công an chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ trong tháng 02/2025.

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo Luật Báo chí (sửa đổi), trình Chính phủ trong tháng 02/2025.

Bộ trưởng các bộ chủ trì soạn thảo các dự án luật, dự thảo nghị quyết được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện rà soát đầy đủ các văn bản có liên quan để phát hiện, xử lý những vấn đề khác nhau giữa quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và văn bản dự kiến ban hành; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; thực hiện nghiêm các giải pháp đã được giao tại các Nghị quyết của Chính phủ; hoàn thiện các hồ sơ dự án luật, dự thảo nghị quyết trình Chính phủ đúng thời hạn, tiến độ đã được phân công theo Quyết định này và chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của dự án luật, dự thảo nghị quyết.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định kịp thời, đúng tiến độ và nâng cao chất lượng thẩm định; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và báo cáo Chính phủ về tiến độ thực hiện theo quy định.

Nguồn: baochinhpvu.vn

8 CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG CÓ TỶ LỆ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN 50%

Cục Chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông vừa công bố tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của 20 Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trong năm 2024. Theo đó, năm 2024, cả nước có 8 cơ quan, địa phương có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên 50%.

Số liệu được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố công khai trên Cổng thông tin chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ dx.gov.vn.

Kết quả đo từ hệ thống trực tuyến EMC cho thấy, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của Bộ, ngành và các địa phương, từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, cả nước có 8 cơ quan, địa phương có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên 50%. Đó là: Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Hà Nam, Đà Nẵng, Hà Giang và Nam Định.

Đáng chú ý, 3 Bộ: Công Thương, Tài chính, Tư pháp - 3 bộ có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình cao hơn cả trong 83 Bộ, ngành, địa phương có cung cấp dịch vụ công, với các tỷ lệ đạt được trong năm 2024 lần lượt là 83,49; 78,44% và 77,66%.

Theo Cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, số liệu của Bộ Tài chính chủ yếu là số liệu của Kho bạc nhà nước, chưa có số liệu của một số đơn vị khác thuộc bộ này như Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ nhà nước, Ủy ban Chứng khoán

nhà nước. Tương tự, số liệu của Bộ Tư pháp chủ yếu là số liệu của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, chưa có số liệu của các đơn vị khác thuộc Bộ.

Xét riêng từng khối Bộ, ngành và khối tỉnh, thành phố, trong 63 địa phương, 10 vị trí dẫn đầu bảng xếp hạng về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình thuộc về: Hà Nam, Đà Nẵng, Hà Giang, Nam Định, Cà Mau, Điện Biên, Kiên Giang, Lào Cai, Bắc Kạn và Gia Lai, với tỷ lệ đạt được dao động từ 31,85% đến 68,54%.

Còn trong 20 Bộ, ngành, 10 vị trí đầu lần lượt là Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải, với tỷ lệ đạt được dao động trong khoảng từ 15,66% đến 83,49%.

EMC là hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ chính phủ số do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và vận hành. Cục Chuyển đổi số quốc gia được giao là đơn vị đầu mối cung cấp tài khoản hệ thống EMC và thực hiện đối soát, cập nhật dữ liệu.

Hệ thống EMC thu thập số liệu từ các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Hiện nay, hầu hết các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ và tỉnh đã kết nối, gửi tự động dữ liệu theo thời gian thực về hệ thống EMC.

Nguồn: kinhtedothi.vn

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIỮ VAI TRÒ CHỦ CÔNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH THUẾ

Đến nay, 99,93% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử. Ngành Thuế đã thay đổi căn bản toàn diện phương thức quản lý trên nền tảng thuế điện tử để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số, từ đó cụ thể hóa Chiến lược Phát triển hệ thống thuế giai đoạn 2021 - 2030.

99,93% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử

Đại diện Cục Công nghệ thông tin (Tổng cục Thuế) cho biết, trong năm 2024, đơn vị đã tích cực triển khai công tác xây dựng quy chế, quy trình; tham mưu và xây dựng trình Tổng cục phê duyệt, ban hành 2 quyết định về tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối giữa hệ thống của Tổng cục Thuế và hệ thống của các đơn vị phối hợp thu ngân sách nhà nước. Đồng thời, tiếp tục xây dựng 3 quy trình, quy chế liên quan đến triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Thuế, quản lý các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin,...

Trong bối cảnh các cơ quan quản lý nhà nước đang nỗ lực xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số, ngành Thuế đã và đang tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý để nâng cao hiệu quả công tác thuế. Là đơn vị chuyên trách về lĩnh vực công nghệ thông tin của ngành Thuế, trong năm 2024,

Cục Công nghệ thông tin đã hoàn thành 148 phiên bản nâng cấp ứng dụng quản lý thuế và hỗ trợ người nộp thuế.

Cụ thể, Cục Công nghệ thông tin đã tiến hành nâng cấp các ứng dụng như: TMS, eTax Mobile, iCanhan,... để đáp ứng hiệu quả trong công tác quản lý, đảm bảo chế độ báo cáo thu nội địa; hỗ trợ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế cho người nộp thuế; quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; công tác trao đổi thông tin với các đơn vị bên ngoài; đồng thời, triển khai các ứng dụng quản lý nội ngành.

Tính đến ngày 31/12/2024, có 952.327 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử trên tổng số 952.967 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt tỷ lệ 99,93%. Số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 là 15.996.758 hồ sơ. Các doanh nghiệp đã nộp tiền thuế thông qua 4.901.563 giao dịch nộp thuế điện tử, với số tiền trên 957.900 tỷ đồng.

Cùng với đó, ngành Thuế tiếp tục triển khai hiệu quả ứng dụng eTax Mobile, kết quả, số lượt tải và cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile đạt 2.238.998 lượt; số giao dịch qua ngân hàng thương mại là 3.942.238 giao dịch với tổng số tiền đã nộp thành công đạt 8.543 tỷ đồng. Đặc biệt, ứng dụng eTax Mobile do Tổng cục Thuế nghiên cứu, phát triển với tính năng nổi bật là thao tác thuận lợi, nhiều tiện ích và đảm bảo an toàn, bảo mật thông qua thiết bị máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh, giúp người nộp thuế có thể thực hiện mọi lúc, mọi nơi, liên tục, ổn định, thông suốt 24/7 và phổ biến đến người nộp thuế trên phạm vi toàn quốc.

Minh chứng cho sự hiệu quả đó, mới đây, eTax Mobile đã vinh dự là 1 trong 5 ứng dụng được VTV Awards 2024 (Đài Truyền hình Việt Nam) đề cử lựa chọn cho hạng mục “Ứng dụng Chuyển đổi số ấn tượng của năm”.

Hoạt động triển khai hệ thống hóa đơn điện tử cũng tiếp tục được thực hiện hiệu quả, đến nay, có 93.014 doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công, với số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền hơn 1,36 tỷ hóa đơn.

Đột phá công nghệ phục vụ chuyển đổi số

Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế Mai Xuân Thành cho biết, trong năm 2025, thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trên đà phát huy những kết quả đạt được, Ban lãnh đạo Tổng cục Thuế tin tưởng và giao trọng trách cho Cục Công nghệ thông tin tiếp tục đóng vai trò chủ công trong chuyển đổi số của toàn Ngành.

Tổng Cục trưởng Mai Xuân Thành yêu cầu, Cục Công nghệ thông tin tiếp tục là đầu mối chủ động phối hợp với các đơn vị thực hiện rà soát, tiến hành tự động hóa các khâu quy trình nghiệp vụ; cần thực hiện tốt vai trò điều phối sáng tạo với các cục thuế địa phương; đặt hàng nghiên cứu sản phẩm số với những cục thuế có thế mạnh về ứng dụng công nghệ thông tin...

“Đặc biệt, năm 2025, toàn ngành Thuế hướng tới sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức theo hướng đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, yếu tố hiệu năng trong mục tiêu trên là nâng cao năng suất lao động và đó cũng chính là yếu tố cốt lõi của công cuộc cải cách, hiện

đại hóa thủ tục hành chính đáp ứng mục tiêu Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030”, Tổng cục trưởng Mai Xuân Thành nhấn mạnh.

Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin Phạm Quang Toàn cho biết, Cục sẽ chú trọng xây dựng giải pháp hệ thống quản lý công việc của cán bộ, công chức thuế để đánh giá chất lượng công việc, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả...

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU

Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Theo dự thảo, cá nhân, tổ chức, cơ quan làm công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu được ưu tiên có chế độ hỗ trợ đặc thù cao nhất trong ngành, lĩnh vực tương đồng với ngành công nghệ cao; được hưởng tiền thưởng 5% trên giá trị giải pháp đổi mới sáng tạo được phê duyệt thử nghiệm mang lại sau khi nghiệm thu và triển khai thực tế trong vòng 05 năm từ nguồn Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

Các cơ sở ươm tạo, cá nhân, tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu được ưu tiên nhận tài trợ, hỗ trợ, vay vốn và bảo lãnh vốn vay của các Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quỹ, nguồn tài trợ hợp pháp khác để triển khai các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Cá nhân, tổ chức làm công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được hưởng chính sách thuế đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

Dự thảo quy định: Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được nhà nước khuyến khích và hỗ trợ; ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học dữ liệu.

Tổ chức xây dựng các trung tâm nghiên cứu về khoa học dữ liệu, đổi mới sáng tạo ứng dụng: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, truyền thông dữ liệu, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và công nghệ hiện đại khác trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Cũng theo dự thảo, Nhà nước ưu tiên hỗ trợ đầu tư, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, xây dựng chương trình đào tạo, trung tâm đào tạo chuyên sâu, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

Xây dựng cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên và cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo các lĩnh vực về các nhóm ngành công nghệ thông tin, an ninh mạng, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

Bộ Công an ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao trong lĩnh vực xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu về làm việc, sinh sống tại Việt Nam. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Bộ Công an chủ trì phối hợp các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan hỗ trợ ươm tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về khoa học dữ liệu.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ CÔNG AN: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA

Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ vào dự thảo Nghị định quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

Theo dự thảo, Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, do Bộ trưởng Bộ Công an thành lập và quản lý.

Quỹ hoạt động theo mô hình tương tự công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo các quy định riêng về tổ chức và cơ chế hoạt động quy định tại Nghị định này.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ các hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, máy học, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ khác trong xử lý dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy việc ứng dụng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Đầu tư cho doanh nghiệp, cá nhân hoạt động nghiên cứu các giải pháp gia tăng bảo vệ dữ liệu, chuyên giao công nghệ về dữ liệu, đổi mới sáng tạo về dữ liệu, phát triển ứng dụng công nghệ liên quan đến dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý dữ liệu; hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội. Hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ công ích để khắc phục hậu quả, xử lý sự cố về an ninh, an toàn dữ liệu. Hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế về dữ liệu.

Dự thảo quy định cụ thể nguyên tắc hoạt động của Quỹ. Theo đó, việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải bảo đảm: Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho của các tổ chức, cá nhân bằng tiền hoặc hiện vật bảo đảm công khai, minh bạch. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết; việc nhận vốn ủy thác phải bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ. Không tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật.

Việc cho vay, hỗ trợ, đầu tư của Quỹ phải bảo đảm: Công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật; mỗi tổ chức, cá nhân có thể được Quỹ cho vay, hỗ trợ, đầu tư với nhiều hình thức khác nhau; tổ chức, cá nhân tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong Hồ sơ đề nghị cho vay, hỗ trợ, đầu tư; Quỹ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp cho vay, hỗ trợ, đầu tư các tổ chức, cá nhân thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan; Trường hợp tổ chức, cá nhân đồng thời thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ từ Quỹ này và từ quỹ khác hoặc hình thức hỗ trợ khác của Nhà nước cho cùng một hạng mục hỗ trợ chi phí thì tổ chức, cá nhân chỉ được áp dụng hỗ trợ cho hạng mục này từ một Quỹ hoặc một hình thức hỗ trợ khác của Nhà nước; Quỹ không hỗ trợ chi phí cho các tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, tặng cho Quỹ.

6 nhiệm vụ của Quỹ gồm: a) Thực hiện các hoạt động phục vụ mục tiêu của Quỹ; b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng quy định; c) Thực hiện chế độ báo cáo, chế độ kế toán theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan; d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; đ) Mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn cho Quỹ; e) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Bộ Công an đề xuất 8 quyền hạn của Quỹ gồm: a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của Quỹ; b) Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ; thu hồi vốn cho vay, chi phí hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các điều kiện, cam kết đã ký với Quỹ; c) Được đầu tư hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở vật

chất nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động của Quỹ; d) Được đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; đ) Được cho tổ chức vay với lãi suất ưu đãi; hỗ trợ chi phí cho tổ chức, cá nhân để thúc đẩy các hoạt động theo mục tiêu của Quỹ; e) Được tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; g) Được thuê các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học để hỗ trợ hoạt động của Quỹ; hợp tác với các cơ sở giáo dục để hỗ trợ hoạt động đào tạo của Quỹ; thực hiện hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn, đánh giá năng lực đối với tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; h) Sử dụng ngân sách tạm thời nhàn rỗi của Quỹ để gửi tiết kiệm kỳ hạn tối đa không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển ngân sách đã cấp cho Quỹ.

Dự thảo đề xuất quy định ngân sách hoạt động của Quỹ:

Một là, nguồn ngân sách nhà nước: Ngân sách nhà nước cấp vốn cho Quỹ tối thiểu là 1.000 tỷ đồng và được bổ sung hằng năm để bảo đảm duy trì mức 1.000 tỷ đồng tại thời điểm đầu các năm tài chính. Nguồn ngân sách nhà nước dùng để cấp cho Quỹ được bố trí từ nguồn chi cho đầu tư phát triển, từ nguồn thu của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập kinh doanh sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

Hai là, các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: a) Thu từ kết quả hoạt động của Quỹ: Các khoản lãi cho vay, phí bảo lãnh vốn vay, lãi tiền gửi và các khoản thu khác; b) Các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp, tặng cho không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân; c) Nguồn khác theo quy định pháp luật.

Theo dự thảo, cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ gồm có: Giám đốc và bộ máy giúp việc.

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho 01 Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc và bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ do Bộ Công an ban hành. Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ có thể thay đổi để phù hợp với thực tế trong quá trình hoạt động.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ CÔNG AN: ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ DỮ LIỆU

Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

Theo dự thảo, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu, pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi xử lý dữ liệu.

Dữ liệu là bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân tuân thủ theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Việc bảo vệ dữ liệu phải tuân thủ các chính sách chung về an ninh quốc phòng; các cơ quan nhà nước phải thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ dữ liệu trong ngành, lĩnh vực do mình quản lý; thiết lập hệ thống bảo vệ dữ liệu thống nhất, có hiệu quả cao và có thẩm quyền để đánh giá rủi ro an ninh dữ liệu, báo cáo, chia sẻ thông tin, giám sát và cảnh báo sớm. Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức về dữ liệu; khuyến khích sử dụng dữ liệu hợp pháp, hợp lý, hiệu quả; bảo đảm dữ liệu được lưu thông tự do, hợp pháp, có trật tự; thúc đẩy phát triển nền kinh tế số lấy dữ liệu làm yếu tố then chốt. Khuyến khích các chủ quản dữ liệu khác xây dựng các quy định riêng về bảo vệ dữ liệu do mình quản lý.

Các biện pháp bảo vệ dữ liệu

Dự thảo đề xuất các biện pháp bảo vệ dữ liệu bao gồm: a) Biện pháp quản lý có liên quan tới xử lý dữ liệu: Xây dựng chính sách, quy chế đánh giá an ninh dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, ứng phó sự cố, bảo đảm tuân thủ các quy định bảo vệ dữ liệu và các biện pháp quản lý khác theo quy định của pháp luật; b) Biện pháp kỹ thuật có liên quan tới xử lý dữ liệu: Bảo đảm an ninh vật lý, kiểm soát truy cập, kiểm tra an ninh mạng và các biện pháp kỹ thuật khác theo quy định pháp luật; c) Biện pháp quản lý nhân lực bảo vệ dữ liệu: Quy chế quản lý con người, đào tạo nhân lực bảo vệ dữ liệu; d) Biện pháp bảo vệ dữ liệu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật; đ) Các biện pháp bảo vệ dữ liệu khác theo quy định pháp luật.

Chủ quản dữ liệu là cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm về bảo mật cho hoạt động xử lý dữ liệu

Dự thảo cũng đề xuất quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy định bảo vệ dữ liệu.

Theo đó, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu là cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm về bảo mật cho hoạt động xử lý dữ liệu, thực hiện bảo vệ phân cấp đối với tất cả các loại dữ liệu, trong trường hợp các cấp dữ liệu khác nhau được xử lý cùng một lúc và khó áp dụng các biện pháp bảo vệ riêng biệt thì phải thực hiện các biện pháp bảo vệ theo yêu cầu của cấp cao nhất, để bảo đảm dữ liệu tiếp tục ở trạng thái bảo vệ hiệu quả và sử dụng hợp pháp

Chủ quản dữ liệu phải phân loại dữ liệu, xác định dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi theo danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng do Thủ tướng Chính phủ ban hành và tạo thành một danh mục cụ thể cho đơn vị đó.

Quản lý bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý

1. Theo dự thảo, chủ quản dữ liệu thiết lập hệ thống quản lý bảo vệ cho toàn bộ vòng đời của dữ liệu, đồng thời soạn thảo các yêu cầu bảo vệ phân cấp cụ thể và quy trình vận hành để

thu thập, lưu trữ, sử dụng, xử lý, truyền, cung cấp và các hoạt động khác cho các cấp độ dữ liệu khác nhau.

2. Chủ quản dữ liệu thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong quá trình thu thập, tạo lập dữ liệu theo phân cấp. Trường hợp thu thập, tạo lập dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần: a) Xây dựng quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu, làm rõ mục đích, quy mô, phương pháp, phạm vi, loại hình, thời gian lưu trữ, vị trí lưu trữ của việc thu thập dữ liệu, cũng như định dạng dữ liệu, tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và các yêu cầu khác; b) Tiến hành đánh giá bảo vệ trước khi thu thập, bao gồm xem mục đích, phạm vi, tần suất, phương pháp, thời gian lưu trữ của việc thu thập dữ liệu có tuân thủ luật pháp và quy định hay không; c) Kiểm tra tính xác thực, chính xác của dữ liệu, thường xuyên phân tích, giám sát chất lượng dữ liệu, cảnh báo và khắc phục kịp thời những dữ liệu bất thường; d) Theo dõi, ghi lại quá trình thu thập dữ liệu để bảo đảm truy xuất nguồn gốc hoạt động thu thập dữ liệu.

3. Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu theo phương pháp, thời hạn theo quy định của pháp luật. Trường hợp dữ liệu được lưu trữ là dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần: a) Xây dựng hệ thống quản lý lưu trữ dữ liệu quan trọng và quy định các hệ thống bảo vệ an ninh, quy trình truy cập; b) Triển khai các biện pháp kỹ thuật, quản lý an toàn dữ liệu quan trọng và đánh giá thường xuyên gồm sử dụng công nghệ mã hóa để bảo vệ tính bảo vệ và toàn vẹn của dữ liệu quan trọng; cung cấp các biện pháp cách ly hợp lý giữa mạng thông tin công cộng và hệ thống lưu trữ; thiết lập hệ thống quản lý chặt chẽ đối với nhân viên vận hành và bảo trì nơi chứa dữ liệu quan trọng và tiến hành kiểm tra lý lịch bảo vệ đối với tất cả nhân viên vận hành và bảo trì; c) Trường hợp dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng có thời gian bảo quản cụ thể, trước khi hết thời hạn, chủ quản dữ liệu phải kịp thời thực hiện các thao tác như truyền, giải mã dữ liệu liên quan và điều chỉnh các biện pháp bảo vệ dữ liệu liên quan tùy theo tình hình; áp dụng các công cụ, biện pháp kỹ thuật phù hợp để tiêu hủy kịp thời những dữ liệu quan trọng đã quá thời hạn lưu trữ hoặc không còn cần thiết cho mục đích xử lý; d) Xây dựng kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu quan trọng, làm rõ phạm vi, tần suất, công cụ, quy trình, thông số kỹ thuật ghi nhật ký, thời gian lưu trữ dữ liệu của việc sao lưu và phục hồi; đ) Sử dụng các công cụ, biện pháp kỹ thuật như công cụ tự động hóa, sao lưu ngoại vi để tự động thực hiện các hoạt động liên quan đến sao lưu, phục hồi theo chiến lược đã thiết lập và ghi lại quá trình sao lưu, phục hồi dữ liệu; e) Thường xuyên rà soát tính sẵn sàng, tính toàn vẹn và tính nhất quán của dữ liệu sao lưu, đánh giá chất lượng phục hồi dữ liệu và có biện pháp xử lý.

4. Chủ quản dữ liệu cần thực hiện các việc sau khi xử lý, sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng: a) Xây dựng và triển khai các chính sách và hệ thống kiểm soát truy cập đối với các dữ liệu quan trọng, tuân thủ các nguyên tắc đặc quyền tối thiểu, phân chia nhiệm vụ và thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh; b) Thiết lập nền tảng quản lý truy cập và nhận dạng thống nhất, áp dụng các biện pháp kỹ thuật như xác thực đa yếu tố và quản lý mật khẩu, cung cấp và triển khai các cơ chế kiểm soát truy cập chi tiết đối với các dữ liệu quan trọng, hạn chế phạm vi dữ liệu mà người dùng có thể truy cập, ngăn chặn việc truy cập trái phép dữ liệu; c) Hạn chế nghiêm ngặt việc thiết lập và sử dụng các tài khoản đặc quyền trong hệ thống chứa

dữ liệu quan trọng; d) Sử dụng các công nghệ phù hợp để kiểm soát mục đích, phạm vi sử dụng dữ liệu quan trọng và giảm nguy cơ rò rỉ dữ liệu.

5. Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm làm rõ phạm vi, chủng loại, yêu cầu, thủ tục, soạn thảo chính sách bảo mật và áp dụng các biện pháp bảo vệ dựa trên loại, mức độ và tình huống ứng dụng của dữ liệu được cung cấp ra bên ngoài.

6. Chủ quản dữ liệu phải phân tích, đánh giá tác động có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, lợi ích công cộng trước khi công bố dữ liệu, nếu có tác động lớn thì không được tiết lộ.

7. Chủ quản dữ liệu phải thiết lập hệ thống xóa, hủy dữ liệu, làm rõ các yêu cầu như mục tiêu, quy tắc, quy trình, kỹ thuật xóa, hủy, ghi nhận và lưu giữ hoạt động xóa, hủy. Trường hợp cá nhân, tổ chức yêu cầu xóa, hủy theo quy định của pháp luật, thỏa thuận hợp đồng thì chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xóa, hủy dữ liệu tương ứng.

Khi xóa, hủy dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu cần: a) Xây dựng các thông số vận hành xóa, hủy dữ liệu và thực hiện các hoạt động xóa, hủy dữ liệu quan trọng theo đúng đặc tả vận hành; b) Thiết lập các thủ tục đánh giá và phê duyệt việc xóa dữ liệu quan trọng, đánh giá phạm vi dữ liệu quan trọng cần xóa, lý do xóa, khả năng sử dụng lại và thực hiện xóa dữ liệu sau khi được nhân viên an toàn dữ liệu của tổ chức phê duyệt; c) Cung cấp các biện pháp kỹ thuật và công cụ xóa dữ liệu để xóa dữ liệu quan trọng và các bản sao của dữ liệu sau khi được phê duyệt, bao gồm dữ liệu dự phòng, dữ liệu phái sinh và dữ liệu nhật ký vận hành trong quá trình xử lý dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đã xóa không thể phục hồi được bằng các phương tiện thương mại; d) Thiết lập cơ chế đánh giá tác động xóa dữ liệu và thường xuyên kiểm tra hiệu quả của các biện pháp xóa; đ) Ghi lại nhật ký quá trình xóa dữ liệu, ghi lại quá trình phê duyệt và thực hiện xóa dữ liệu và các trường hợp cụ thể của dữ liệu bị xóa; e) Cập nhật kịp thời danh sách, thư mục dữ liệu quan trọng sau khi xóa dữ liệu.

8. Trường hợp chủ quản dữ liệu có nhu cầu chuyển dữ liệu vì các lý do như sáp nhập, tổ chức lại, phá sản thì phải làm rõ kế hoạch chuyển dữ liệu và thông báo cho người dùng bị ảnh hưởng thông qua các phương thức như điện thoại, tin nhắn văn bản, email, thông báo.

Trường hợp tổ chức lại, giải thể tổ chức có quản lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, chủ quản dữ liệu phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu, báo cáo phương án xử lý dữ liệu quan trọng, tên hoặc thông tin liên lạc của bên tiếp nhận cho các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

9. Trường hợp chủ quản dữ liệu ủy thác cho người khác thực hiện hoạt động xử lý dữ liệu thì phải làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo mật dữ liệu của bên ủy thác và bên được ủy thác thông qua các phương thức như ký kết hợp đồng, thỏa thuận. Trường hợp ủy thác xử lý dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thì tiến hành xác minh năng lực, trình độ bảo vệ an ninh dữ liệu của bên được ủy thác.

10. Chủ quản dữ liệu phải ghi nhật ký xử lý dữ liệu, quản lý thẩm quyền, hoạt động của nhân sự, trong toàn bộ vòng đời của quá trình xử lý dữ liệu. Nhật ký được lưu giữ ít nhất sáu tháng.

11. Chủ quản dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng hàng năm phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với hoạt động xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của mình. Báo cáo đánh giá rủi ro

bao gồm: a) Thông tin cơ bản về chủ quản dữ liệu, thông tin về bộ phận có chức năng bảo vệ an toàn dữ liệu, tên và thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm về bảo vệ dữ liệu; b) Mục đích, loại, số lượng, phương pháp, phạm vi, thời gian lưu trữ, vị trí lưu trữ dữ liệu, hoạt động xử lý dữ liệu và hoàn cảnh thực hiện các hoạt động xử lý dữ liệu; c) Hệ thống quản lý an ninh dữ liệu và việc triển khai chúng, các biện pháp kỹ thuật như mã hóa, sao lưu, dán nhãn, kiểm soát truy cập và xác thực bảo vệ, cũng như các biện pháp cần thiết khác và hiệu quả của chúng; d) Rủi ro an toàn dữ liệu được phát hiện, sự cố an toàn dữ liệu đã xảy ra và cách giải quyết; đ) Đánh giá rủi ro đối với dữ liệu quan trọng được cung cấp, ủy thác xử lý; e) Các nội dung báo cáo khác theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Bộ Công Thương đang đề nghị xây dựng Luật Thương mại điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại điện tử; tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển bền vững, có trật tự, làm động lực cho sự phát triển của nền kinh tế số.

Bộ Công Thương cho biết, mục đích xây dựng Luật Thương mại điện tử nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về thương mại điện tử; thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thống nhất hệ thống pháp luật về thương mại điện tử trong mối tương quan với các luật khác, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về thương mại điện tử trong thời gian vừa qua cũng như để phù hợp với xu thế đổi mới do công nghệ số đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực thương mại điện tử.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về thương mại điện tử theo hướng khuyến khích sáng tạo trong việc xây dựng và thực thi quy định, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng; tạo động lực cho cạnh tranh và phát triển sáng tạo của doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích hoạt động của các tổ chức xã hội, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại điện tử; tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển bền vững, có trật tự, làm động lực cho sự phát triển của nền kinh tế số.

Theo Bộ Công Thương, trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành, xác định các nội dung cần thiết bổ sung hoàn thiện để hoạch định chính sách về thương mại điện tử, Bộ Công Thương xác định 5 chính sách lớn khi xây dựng Luật Thương mại điện tử:

Chính sách 01: Bổ sung và thống nhất các khái niệm theo các quy định pháp luật hiện hành. Mục tiêu của chính sách nhằm quy định rõ khái niệm nền tảng số, nền tảng số trung

gian và các khái niệm khác phù hợp với lĩnh vực thương mại điện tử và đảm bảo hài hòa với các Luật khác hiện hành; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Chính sách 02: Quy định các hình thức hoạt động thương mại điện tử, các chủ thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, quyền và nghĩa vụ liên quan với mục tiêu đảm bảo không bỏ sót các mô hình hoạt động thương mại điện tử và các chủ thể tham gia; đảm bảo minh bạch về thẩm quyền, rõ ràng về giới hạn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Chính sách 03: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử nhằm tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về thương mại điện tử; tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nền tảng thương mại điện tử.

Chính sách 04: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với mục tiêu đối xử công bằng đối với các loại hình cung cấp dịch vụ tin cậy; nhanh chóng phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử.

Chính sách 05: Quy định về xây dựng, phát triển thương mại điện tử nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ về thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; thúc đẩy thương mại điện tử phát triển xanh, bền vững, góp phần phát triển kinh tế hiệu quả, tạo giá trị cho cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

Cao Tuấn Anh, Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH MỚI VỀ MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

Bộ Y tế đang dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Trong đó, Bộ đề xuất quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm y tế.

Mức đóng do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng hoặc do người sử dụng lao động đóng

Theo dự thảo, mức đóng do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng hoặc do người sử dụng lao động đóng được đề xuất như sau:

Thứ nhất, mức đóng hằng tháng bằng 4,5% tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba áp dụng với các đối tượng sau:

Một là, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên; người quản lý

doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã có hưởng tiền lương.

Hai là, người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ trường hợp là người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam hoặc tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Ba là, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên, thỏa thuận với người sử dụng lao động làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Bốn là, cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ hai, mức đóng hằng tháng của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã không hưởng tiền lương bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và do đối tượng đóng.

Thứ ba, mức đóng hằng tháng của chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và do đối tượng đóng.

Thứ tư, mức đóng hằng tháng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó người sử dụng lao động đóng hai phần ba và người lao động đóng một phần ba.

Thứ năm, mức đóng hằng tháng của công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội, công nhân công an đang công tác trong công an nhân dân; người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu quy định tại Luật Cơ yếu bằng 4,5% tiền lương tháng và trách nhiệm đóng theo như sau: Đối với đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thì do ngân sách nhà nước đảm bảo; đối với đơn vị sự nghiệp thì sử dụng kinh phí của đơn vị theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; đối với doanh nghiệp thì sử dụng kinh phí của doanh nghiệp.

Thứ sáu, mức đóng hằng tháng của thân nhân của công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội, thân nhân của công nhân công an đang công tác trong công an nhân dân (không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định trên) bằng 4,5% mức lương cơ sở và trách nhiệm đóng theo quy định của Chính phủ.

Mức đóng do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng

Theo dự thảo, mức đóng hằng tháng của người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng bằng 4,5% tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động.

Mức đóng hằng tháng của người nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng; người nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động bị mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày hoặc người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; người nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 4,5% mức lương cơ sở.

Mức đóng hằng tháng của người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bằng 4,5% tiền trợ cấp thất nghiệp.

Mức đóng do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ mức đóng

Mức đóng hằng tháng của sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp đang tại ngũ; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân bằng 4,5% tiền lương tháng và do ngân sách nhà nước đóng.

Mức đóng hằng tháng tối đa bằng 4,5% mức lương cơ sở và do ngân sách nhà nước đóng đối với các đối tượng sau:

Một là, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân đang tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân; học viên quân đội, học viên công an, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người Việt Nam.

Hai là, học viên quân đội, học viên công an, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí là người nước ngoài.

Ba là, học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Bốn là, dân quân thường trực.

Năm là, người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; cựu chiến binh.

Sáu là, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm.

Bảy là, trẻ em dưới 6 tuổi.

Tám là, thân nhân của liệt sĩ, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Chín là, thân nhân của người có công với cách mạng, vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và cá nhân có liên quan theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, trừ đối tượng quy định tại điểm i Khoản này.

Mười là, thân nhân của các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này theo quy định của pháp luật.

Mười một là, người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật.

Mười hai là, người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình cận nghèo đang cư trú tại xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người dân tộc thiểu số đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo.

Mười ba là, cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

Mười bốn là, người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

Mười lăm là, người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng; người đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng theo quy định của pháp luật có liên quan; người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng mà thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội.

Mười sáu là, người từ đủ 75 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.

Mười bảy là, người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Mười tám là, người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội đang trong thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Mức đóng hằng tháng của người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ ngân sách của Nhà nước Việt Nam bằng 4,5% mức lương cơ sở và do ngân sách nhà nước đóng thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp học bổng.

Mức đóng hằng tháng của nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bao gồm: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật; nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ; người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa; nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người bằng 4,5% mức lương cơ sở do đối tượng tự đóng và được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng.

Mức đóng hằng tháng của nhóm tự đóng bảo hiểm y tế

Theo dự thảo, mức đóng tối đa bằng 4,5% mức lương cơ sở và do đối tượng đóng theo hộ gia đình hoặc đóng theo cá nhân tham gia.

Thành viên hộ gia đình quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế cùng tham gia bảo hiểm y tế theo hình thức hộ gia đình trong năm tài chính thì được giảm trừ mức đóng như sau: Người thứ nhất đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở. Người thứ hai, thứ ba, thứ tư đóng lần lượt bằng 70%, 60%, 50% mức đóng của người thứ nhất. Từ người thứ năm trở đi đóng bằng 40% mức đóng của người thứ nhất.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: THẬT SỰ VÌ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Năm 2024 vừa qua, TP. Hà Nội đã xác định trọng tâm của công tác cải cách hành chính là cải cách thủ tục hành chính gắn với đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Yêu cầu đặc biệt là nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước cũng như mỗi cán bộ, công chức.

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được giám sát, kiểm soát chặt chẽ trên hệ thống phần mềm nên đã hạn chế tối đa tình trạng nhũng nhiễu, chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính. Tại Bộ phận “Một cửa” của các cơ quan, đơn vị, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (email) được niêm yết để người dân liên hệ khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

TP. Hà Nội tăng cường chỉ đạo nâng cao thái độ ứng xử, đạo đức công vụ, đề cao tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ trên cơ sở lấy sự hài lòng của người dân làm một trong những cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức. Cùng với đó là tổ chức thực hiện tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia...

Song, cần thẳng thắn nhìn nhận rằng, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận “Một cửa” tại một số đơn vị đã xuống cấp, chưa đồng bộ. Chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính tại một số đơn vị còn chênh lệch, chưa đồng đều. Trong khi đó, việc công bố thủ tục hành chính của một số bộ, ngành còn chưa kịp thời, cập nhật chưa đầy đủ lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Ngoài ra, Cổng dịch vụ công thành phố còn nhiều lúc vận hành chưa ổn định, gây khó khăn cho các đơn vị, người dân trong việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Trước yêu cầu cấp thiết trên, Chủ tịch Ủy ban thành phố Hà Nội Trần Sỹ Thanh vừa ký ban hành Quyết định số 6830/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2025 của thành phố với mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cũng như rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

Trong đó, cải cách hành chính gắn với thực hiện nghiêm túc chủ đề công tác năm 2025 của thành phố “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển” và lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Để tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông các động lực phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, yêu cầu cấp thiết đặt ra là tiếp tục phải rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Đồng thời, cần rà soát, đánh giá hiệu quả để đề xuất phương án thực hiện phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các nhóm thủ tục hồ sơ hành chính mà người dân,

doanh nghiệp có nhiều giao dịch. Đặc biệt, cần đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, cần tăng cường kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, kiểm tra kỷ luật công vụ, kiểm tra việc thực hiện và công khai hằng tháng kết quả nhiệm vụ Trung ương, thành phố giao. Trong đó, chú trọng nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật và trách nhiệm thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, tổ chức. Đặc biệt, cần quan tâm hơn nữa đến công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao ý thức phục vụ người dân, doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức; hiện đại hóa bộ phận “một cửa” để phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng hiệu quả, hiện đại và chuyên nghiệp hơn.

Kế hoạch, giải pháp đã có và giờ vấn đề nằm ở những người, những khâu trực tiếp thực hiện. Để cuối cùng, cải cách hành chính phải luôn là điểm sáng của Thủ đô, thật sự vì người dân và doanh nghiệp...

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: SIẾT CHẶT KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi yêu cầu thủ trưởng của từng đơn vị, địa phương phải rất sâu sát, nghe báo cáo hàng tuần, hàng tháng để chỉ đạo công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh, xây dựng ngành mình thông minh, địa phương mình thông minh.

Sáng ngày 17/01/2025, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh tổ chức phiên họp Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06); sơ kết 3 năm thực hiện Đề án 06.

Năm 2024, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận giải quyết gần 17,8 triệu hồ sơ, đã giải quyết gần 17,6 triệu hồ sơ, đang giải quyết 179.352 hồ sơ. Trong số hồ sơ đã giải quyết, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,86%; hồ sơ giải quyết quá hạn chiếm 0,14%.

Trong năm, TP. Hồ Chí Minh đã vận hành chính thức 6 nền tảng số, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh tổ chức ra mắt App Công dân số TP. Hồ Chí Minh. Đây là một ứng dụng di động thông minh, kênh giao tiếp hai chiều giữa chính quyền thành phố và người dân bằng tương tác “một chạm” dễ dàng, thuận tiện.

Trong 3 năm triển khai thực hiện Đề án 06, TP. Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành số hóa 4 loại sổ hộ tịch đã được đồng bộ với Cơ sở dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp, lực lượng Công an TP. Hồ Chí Minh tổ chức thu nhận hơn 5,7 triệu tài khoản định

danh điện tử mức 2. Đến nay, có 867.476 tài khoản được kích hoạt để người dân thụ hưởng các tiện ích trên ứng dụng VNeID.

Phát biểu Kết luận Phiên họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi đánh giá cao những nỗ lực của các cơ quan, đặc biệt là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06.

Chủ tịch Phan Văn Mãi nhận xét, qua 3 năm thực hiện Đề án 06, TP. Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng cao.

Chủ tịch Phan Văn Mãi đề nghị trong năm 2025, các cơ quan, đơn vị tập trung các nhiệm vụ cụ thể. Trong đó, rà soát, xác định nhu cầu đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin để đề xuất Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phân bổ. Bố trí đủ nhân sự phụ trách công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án 06 tại từng cơ quan, địa bàn; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, tập trung hoàn thiện, triển khai các nền tảng lớn để vận hành thống nhất từ thành phố đến cơ sở. Chủ tịch Phan Văn Mãi yêu cầu tiếp tục thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh mạng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu, năm nay công tác cải cách hành chính phải đạt nhóm 5 tỉnh, thành đứng đầu cả nước; kinh tế số kiên trì chỉ tiêu đóng góp 25% GRDP theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông. Do đó, phải chuyển đổi số mạnh mẽ, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Để làm được điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu siết chặt kỷ cương, nêu cao trách nhiệm hành chính.

“Thủ trưởng của từng đơn vị, từng địa phương phải rất sâu sát, nghe báo cáo hàng tuần, hàng tháng để chỉ đạo công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh, xây dựng ngành mình thông minh, xây dựng địa phương mình thông minh”, đồng chí Phan Văn Mãi nhấn mạnh.

Nguồn: sggp.org.vn

BẮC GIANG: NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ, ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ký ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường công tác giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức về trách nhiệm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Kế hoạch nhằm mục đích xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phong cách ứng xử, lễ lối làm việc gương mẫu, tận tụy, chuẩn mực, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Hình thành ý thức tự giác về thực hành đạo đức, văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; nêu cao tinh thần đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thể chế, tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế hành chính, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần giữ vững và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh Bắc Giang các năm thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

Theo đó, Kế hoạch tập trung vào một số nội dung chủ yếu đó là: Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc nêu cao ý thức trách nhiệm, tận tụy với công việc, ý thức phục vụ Nhân dân, có thái độ làm việc khách quan, công tâm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn được giao. Hình thành ý thức tự soi, tự sửa trong thực hiện đạo đức công vụ, trong đó chấp hành nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính.

Tăng cường công tác giáo dục liêm chính. Đẩy mạnh việc giáo dục về thực hành “cần, kiệm, liêm, chính” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, trong đó thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức thực hành về liêm chính. Thực hiện trách nhiệm nêu gương về liêm chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Xây dựng, hình thành văn hóa về liêm chính trong hoạt động công vụ, đó là ý thức tuân thủ pháp luật, hành vi ứng xử văn hóa dựa trên các nguyên tắc đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần xây dựng cho mình lối sống trong sáng, liêm, chính, gương mẫu, kiên quyết đấu tranh với tình trạng suy thoái biến chất, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong quá trình thực thi công vụ.

Nâng cao trách nhiệm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao nhận thức, trau dồi phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám hành động vì lợi ích chung, là hạt nhân đoàn kết. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ, điều chuyển vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân không cao, uy tín giảm sút.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ để cảnh tỉnh, răn đe đối với những người có ý định vi phạm.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số để tạo môi trường thực thi nhiệm vụ, công vụ công khai minh bạch nhằm hạn chế các tham nhũng, tiêu cực. Triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính nhà nước của tỉnh Bắc Giang. Đẩy mạnh cải cách thể chế; nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”.

Thực hiện tốt việc đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở về công tác cải cách hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng, qua dịch vụ bưu chính công ích; các mô hình, sáng kiến, giải pháp, cách làm hay về cải cách hành chính.

Nguồn: baobacgiang.vn

NAM ĐỊNH: NHỮNG NGƯỜI “TRUYỀN LỬA” CÔNG NGHỆ SỐ

Trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0, công dân số không chỉ là nhân tố then chốt thúc đẩy xã hội số mà còn quyết định thành công của hành trình chuyển đổi số trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Nhà sáng tạo nội dung số triển vọng

Anh Nguyễn Văn Lưu, người con của xã Nghĩa Phong (huyện Nghĩa Hưng) đã chinh phục trái tim của hàng triệu khán giả với kênh Tiktok “Lão Nông Vlog” đạt hơn 5,2 triệu người thích và trên 540 nghìn người theo dõi. Năm 2024, anh được Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) bình chọn là Nhà sáng tạo nội dung số triển vọng. Đây là thành quả của sự nỗ lực và đam mê công nghệ số, biến công nghệ số thành phương tiện truyền tải văn hóa ẩm thực nói riêng và nét đặc sắc trong đời sống sinh hoạt của người dân vùng nông thôn Bắc Bộ nói chung. Hành trình sáng tạo nội dung số của anh Lưu bắt đầu từ tình yêu đối với ẩm thực quê hương.

Là một đầu bếp chuyên nghiệp từng làm việc tại nhiều nhà hàng nổi tiếng ở TP. Hồ Chí Minh, anh đã tận dụng nền tảng xã hội để chia sẻ những video chân thực về món ăn hay khung cảnh cuộc sống thanh bình nơi gia đình anh sinh sống. Thật bất ngờ, những video chân thực từ hình ảnh đến kịch bản, không sử dụng máy quay chuyên nghiệp và kỹ xảo công nghệ lại được rất nhiều người xem, yêu thích, chia sẻ, bình luận động viên và lọt vào đề xuất của các mạng xã hội. Đây là lý do khiến anh đầu tư thêm thời gian học kỹ thuật làm kênh chuyên nghiệp đăng tải video về ẩm thực quê hương với phối cảnh là không gian đậm nét làng quê thanh bình cùng những món ăn dân dã như: Thịt kho ngày mùa, tép đồng rang lá chanh, cá nục khô rang khế, ngao nấu canh cải, gà ốp đất nướng, cơm nắm cá khô... Tháng 11/2023, anh Lưu bắt đầu cho ra đời những video đầu tiên với nhân vật chính là bố anh, ông Nguyễn Văn Phong, vừa thực hành vừa thuyết trình cách làm các món ăn được chế biến từ những nguyên liệu sẵn có tại quê nhà. Toàn bộ các video được anh Lưu quay bằng điện thoại di động kết hợp chỉnh sửa, lồng nhạc bằng các phần mềm chuyên dùng để sản xuất, xử lý video.

Sau hơn 1 năm thành lập kênh, 2 bố con anh đã sản xuất được hơn 100 video. Các video được đăng tải song song trên 2 nền tảng mạng xã hội: Tiktok và Facebook “Lão Nông Vlog”. Trong đó đáng chú ý nhất là video “Ốc nấu chuối”, đăng tải trên kênh “Lão Nông Vlog” vào ngày 16/5/2024 không chỉ đạt lượt xem ấn tượng mà còn giành Giải thưởng Sáng tạo nội dung số Việt Nam năm 2024 nhờ cách truyền tải văn hóa ẩm thực, lồng ghép với giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước. Rất nhiều nền tảng uy tín đã xin đăng tải lại các video của “Lão Nông Vlog” như bữa cơm ngày mùa, món bún riêu cua... Không dừng lại ở đó, anh Lưu còn thường xuyên mở lớp đào tạo trực tiếp và trực tuyến kỹ năng sản xuất video cho các thanh niên có nguyện vọng xây dựng kênh truyền thông, làm quảng cáo; đồng thời hợp tác cùng Câu lạc bộ Khởi nghiệp sáng tạo Nam Định đầu tư xây dựng video quảng bá cho các sản phẩm OCOP của tỉnh trên nền tảng số.

Người lan tỏa công nghệ số cho cộng đồng

Tại sự kiện Diễn đàn số quốc gia do Chính phủ tổ chức nhân ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10/2024, tỉnh Nam Định vinh dự đóng góp 2 gương mặt “người mang công nghệ số đến với cộng đồng”. Đó là các anh Cao Văn Mạnh, Tổ trưởng tổ công nghệ số cộng đồng xóm Hồng Phong, xã Giao Phong (huyện Giao Thủy) và anh Phùng Chiến, thị trấn Giao Thủy (huyện Giao Thủy). Để tăng tốc chuyển đổi số, xây dựng xã hội số, công dân số, tại các địa bàn nông thôn trong tỉnh, một mô hình đã được triển khai đồng bộ trên diện rộng là Tổ công nghệ số cộng đồng với mục tiêu nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn “cầm tay chỉ việc” giúp người dân tiếp cận, học tập và sử dụng công nghệ số dễ dàng, nhanh chóng. Với tinh thần trách nhiệm được giao, anh Mạnh và anh Chiến đã không quản sớm tối, kiên trì hỗ trợ người dân trên địa bàn có nhu cầu tiếp cận công nghệ số. Tổ công nghệ số cộng đồng phân công các thành viên cao tuổi, có uy tín trong cộng đồng chịu trách nhiệm đi động viên, vận động người dân tham gia tập huấn kỹ năng sử dụng các ứng dụng số. Các thành viên trẻ tuổi thì đảm nhiệm cài đặt hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng số phục vụ đời sống sinh hoạt do chính quyền và các doanh nghiệp cung ứng. Không chỉ giúp người dân làm quen với dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt mà tổ còn trang bị kỹ năng phòng ngừa nguy

cơ tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tự bảo vệ mình trên không gian mạng, như bị lừa đảo trực tuyến hay bị đánh cắp dữ liệu...

Kết quả của những nỗ lực không ngừng nghỉ của các hạt nhân Tổ công nghệ số cộng đồng đó là sự thay đổi đáng kể: Tỷ lệ người dân có tài khoản dịch vụ công trực tuyến, tài khoản ngân hàng tại các địa phương đều đạt cao; 100% cán bộ hưu trí nhận lương hưu, người nhận trợ cấp xã hội hàng tháng qua tài khoản; nhiều hộ dân tổ chức giới thiệu sản phẩm, thiết lập kênh bán hàng trên môi trường mạng. Đây là minh chứng cho hiệu quả cải thiện đời sống người dân, đặc biệt tại vùng nông thôn của chuyển đổi số. Trong buổi gặp Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhân tham dự Diễn đàn, các anh đã nêu những câu hỏi và đề xuất với người đứng đầu Chính phủ về giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cũng như những ý tưởng thúc đẩy chuyển đổi số ở nông thôn nhanh, mạnh và thiết thực hơn nữa.

Sự nhiệt tình, tâm huyết của những người truyền lửa mang công nghệ số đến với cộng đồng đã nhanh chóng được lan tỏa, biến thành hiệu ứng tốt thông qua việc người dân đã chủ động tương tác với chính quyền, doanh nghiệp trên môi trường số; sử dụng nền tảng số để phục vụ đời sống sinh hoạt, lao động sản xuất. Hơn thế nữa, người dân đã biết khai thác công nghệ số trong việc quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước hay những sản phẩm đặc trưng của mỗi vùng miền, mỗi gia đình, làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần. Hiệu quả chuyển đổi số, việc người dân sử dụng các nền tảng số để cập nhật thông tin xã hội đặc biệt thể hiện nổi bật trong cơn bão Yagi hồi tháng 9/2024 và đợt lũ lụt sau bão. Tại nhiều xã vùng ven sông của TP. Nam Định và các huyện Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy; thông tin về mực nước dâng, các điểm đê, kè xuất hiện sự cố thấm lậu, rò rỉ do nước lũ lên được cập nhật thường xuyên, giúp huy động nhân lực, vật lực nhanh chóng đến hiện trường cùng lực lượng trực tại chỗ khắc phục sự cố kịp thời. Các nhóm thiện nguyện xã hội, tập thể, cá nhân nhà hảo tâm trong cộng đồng cũng nhờ những thông tin cập nhật trên các trang mạng xã hội về các hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ kịp thời của người dân vùng lũ để tổ chức hoạt động cứu trợ phù hợp... giúp người dân vùng thiên tai khắc phục khó khăn, vượt qua nghịch cảnh, ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất.

Từ những “hạt nhân” công dân số tiêu biểu của tỉnh Nam Định với đam mê sáng tạo nội dung số đã góp phần đắc lực dẫn dắt cộng đồng tiếp cận công nghệ, lan tỏa văn hóa bản địa và thúc đẩy kinh tế số phát triển, hướng đến cuộc sống ngày tiện nghi, hạnh phúc hơn. Đó là minh chứng sống động cho thành công của chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

Nguồn: baonamdinh.vn

NINH BÌNH: TĂNG CƯỜNG KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG, ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Trong những năm qua, công tác cải cách hành chính nhà nước được các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh Ninh Bình quan tâm, triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, đã đạt được những kết quả tích cực.

Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bảo đảm chất lượng, nội dung và quy trình. Thủ tục hành chính được đơn giản hóa, thời gian giải quyết được rút ngắn; nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về cải cách hành chính và tinh thần, thái độ, ý thức, trách nhiệm trong giải quyết công việc, kỷ luật kỷ cương hành chính không ngừng được nâng lên.

Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giải quyết công việc, theo dõi, kiểm tra, giám sát công việc bước đầu đã phát huy được hiệu quả... Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính có bước chuyển biến tích cực, liên tục tăng và cao hơn so với trung bình của cả nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, công tác cải cách hành chính ở tỉnh Ninh Bình vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc chưa kịp thời, quyết liệt; vẫn còn tình trạng trễ hạn trong giải quyết thủ tục hành chính; tính sáng tạo, năng động và chất lượng tham mưu ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức một số cơ quan, đơn vị và địa phương chưa cao; tinh thần phục vụ Nhân dân có nội dung chưa tốt, việc giải quyết một số thủ tục hành chính chưa bảo đảm tiến độ, thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật, gây phiền hà, khó khăn cho một số tổ chức và công dân; việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp ở cấp cơ sở chưa được quan tâm đúng mức; việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc còn chưa nghiêm...

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh đã ban hành về công tác cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Tiếp tục thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết và tối ưu quy trình giải quyết thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, xử lý các vướng mắc, bắt cập về thủ tục hành chính để báo cáo cấp có thẩm quyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Mở rộng các hình thức tuyên truyền cải cách hành chính, phổ biến, quán triệt nhằm nâng cao nhận thức, ý thức làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong nhiệm

vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thực hiện nghiêm việc giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Ninh Bình đảm bảo đầy đủ, đúng trình tự, đúng quy định; tăng cường số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện lưu trữ hồ sơ khoa học. Kiện toàn đội ngũ công chức tại Bộ phận Một cửa, nhất là ở những đơn vị, địa phương mới thực hiện sáp nhập, chuyển đổi, đảm bảo chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân.

Tích cực xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số, triển khai thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2025 và các năm tiếp theo; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phấn đấu năm 2025 nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của tỉnh và tăng thứ hạng trong bảng xếp hạng về Chỉ số cải cách hành chính các tỉnh, thành phố.

Đảm bảo 100% hồ sơ thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện.

Phấn đấu giảm tối đa hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn; thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Ninh Bình, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 90%, 80% và 75%.. 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện theo quy định được công bố, áp dụng dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 80%...

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập, vai trò của cán bộ, công chức trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng. Tinh thần phục vụ tận tâm, lắng nghe, sẵn sàng hỗ trợ và giải quyết khó khăn cho người dân và doanh nghiệp sẽ tạo ra động lực lớn cho sự phát triển.

Mục tiêu đặt ra là lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, năng lực lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, không ngừng nâng cao uy tín và hiệu quả của bộ máy hành chính, xây dựng niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

YÊN BÁI: TĂNG SỰ HÀI LÒNG, TĂNG CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Xếp vị trí 39/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Yên Bái có sự tăng bậc đáng kể trong những năm qua đã cho thấy nỗ lực không ngừng của tỉnh trong thực hiện ba đột phá chính là cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đầu tư phát triển hạ tầng; trong đó, công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của bộ máy quản lý được tỉnh đặc biệt chú trọng quan tâm.

Sự tăng bậc của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có ảnh hưởng và tác động rất tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Được biết, trong 142 chỉ tiêu đánh giá thuộc 10 chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh có 33 chỉ tiêu ở vị trí từ TOP 20 trở lên, 56 chỉ tiêu ở vị trí từ TOP 21 đến TOP 40, chiếm 62,68%. Mức độ cải thiện ở một số chỉ tiêu tốt hơn mặt bằng chung của cả nước, chỉ có 68 chỉ tiêu tăng điểm nhưng có tới 73 chỉ tiêu tăng về thứ hạng.

Tập trung giải quyết những vấn đề thực chất của cải cách hành chính, năm 2024, tỉnh Yên Bái đã phê duyệt 264 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 280 dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đăng ký tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; quyết liệt chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 46 ngày 3/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ; nêu cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung. Qua đó, doanh nghiệp có nhiều thuận lợi hơn trong tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Là đô thị tỉnh lỵ, TP. Yên Bái đặc biệt chú trọng công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đặt thành nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt. Liên tục trong 5 năm qua, TP. Yên Bái dẫn đầu khối các huyện, thị, thành phố trong bảng xếp hạng công tác cải cách hành chính của tỉnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ngành (DDCI) tiếp tục được duy trì và cải thiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Yên Bái Nguyễn Ngọc Trúc cho biết: “Với quan điểm luôn sát cánh, đồng hành cùng doanh nghiệp, nắm bắt, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, hàng năm, thành phố duy trì đều đặn hoạt động gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu xuân; chương trình Cafe doanh nhân... Năm 2024, TP. Yên Bái tổ chức Chương trình Ủy ban nhân dân thành phố đồng hành cùng doanh nghiệp. Với việc tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, lao động, thị trường, hoạt động xuất nhập khẩu... nhằm giảm chi phí đầu vào, chi phí cơ hội, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân, năm

2024, đã có 6 dự án được cấp quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%”.

Nhìn nhận và đánh giá đúng những mặt còn hạn chế như: hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai chưa đồng bộ hay như hiệu quả công tác cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình chưa cao; chưa khai thác, phát huy tối đa tính năng, lợi ích của công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng, thiết bị công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành..., tỉnh Yên Bái chỉ đạo trong năm 2025, các ngành, địa phương, đơn vị tiếp tục tăng cường đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bám sát 142 chỉ tiêu đánh giá của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục, trong đó đề ra các giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo, hiệu quả để cải thiện điểm số của chỉ số thành phần, chỉ tiêu đánh giá. Xử lý nghiêm những cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong thực thi công việc, nhất là quyết liệt cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng; tập trung triển khai các nền tảng chuyển đổi số, ưu tiên các nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến..., theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ công, tăng sự hài lòng của doanh nghiệp, mục tiêu thúc đẩy phát triển bền vững, tăng cơ hội đầu tư mới vào địa bàn.

Hiện nay, tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn 1 tháng hoặc phải chờ hơn 3 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động đã giảm 2% so với trước đây. Đặc biệt, từ sự chỉ đạo quyết liệt, tập trung, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức giảm từ 7% xuống còn 3%; môi trường kinh doanh tại tỉnh ngày càng minh bạch, cạnh tranh hơn. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực về sự năng động, tinh thần tiên phong của lãnh đạo tỉnh Yên Bái.

*** Sở Tài nguyên và Môi trường: Đẩy mạnh cải cách hành chính lĩnh vực đất đai**

Đất đai luôn là lĩnh vực phức tạp và nhận được nhiều hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính nhất. Để gỡ vướng và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực này, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính Nhà nước, nhất là khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực.

Ông Nguyễn Danh Ban, thôn Minh Long, xã Tuy Lộc đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP. Yên Bái để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho con. Nếu như trước đây, ông Ban sẽ phải mất khá nhiều thời gian chờ đợi cũng như phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện các loại giấy tờ, hồ sơ thì giờ đây ông đã được cán bộ tại Chi nhánh hướng dẫn làm các thủ tục một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Ông Ban chia sẻ: “Tôi không nghĩ bây giờ thủ tục lại nhanh gọn thế. Cứ nghĩ như trước đây, có khi phải đợi cả buổi mới khai xong giấy tờ rồi còn phải đi lại vài lần mới xong nên tôi

chủ động đi từ sớm. Giờ thủ tục được cắt giảm, trả kết quả qua đường bưu điện nên rất thuận tiện cho người dân”.

Với mục đích nâng cao chất lượng công tác giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP. Yên Bái đã triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, tích cực rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính còn rườm rà, giảm các giấy tờ không cần thiết cho người dân. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên hệ thống phần mềm chuyên ngành. Thành phố còn đẩy mạnh hoạt động của tổ rà soát và hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, hướng dẫn người dân kê khai lập hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng tại các đơn vị xã, phường trên địa bàn theo đúng quy định.

Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP. Yên Bái Phạm Thị Lan Anh cho biết: “Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, Văn phòng đã áp dụng việc Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và Trả kết quả qua bưu chính công ích đã mang lại thuận lợi và tiết kiệm cho người dân. Khi nộp hồ sơ trực tuyến, bảo đảm 100% các hộ dân trên địa bàn được tiếp cận, giúp người dân không phải đi lại nhiều, không phải chờ đợi xếp hàng tại Bộ phận Phục vụ hành chính công. Đối với các trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, thời gian giải quyết trả kết quả thực hiện được rút ngắn bằng 50% thời gian quy định trên Cổng dịch vụ công của tỉnh”.

Xác định cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân và doanh nghiệp là yếu tố quan trọng, góp phần cải thiện chỉ số tiếp cận đất đai, nâng cao thứ hạng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh, thời gian qua, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái luôn chủ động, tham mưu với Sở Tài nguyên và Môi trường các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong toàn đơn vị.

Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái Nguyễn Xuân Hà cho biết: “Văn phòng đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đưa sản phẩm vào khai thác, vận hành từ tháng 10/2022, ứng dụng hệ thống phần mềm thông tin đất đai VBDLIS vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tất cả hồ sơ đều được giải quyết liên thông điện tử một cửa hành chính công, cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên và môi trường. Đây cũng là thành tựu mang tính đột phá và là thành công bước đầu trong nội dung chuyển đổi số của ngành Tài nguyên và Môi trường; qua đó, giúp quản lý về thời gian, công khai minh bạch trong quy trình, nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, từng bước tạo môi trường làm việc hiện đại, minh bạch, giảm giấy tờ, tiết kiệm thời gian đi lại, chi phí cho người dân và doanh nghiệp”.

Thời gian tới, để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, nhất là khi Luật Đất đai năm 2024 đi vào cuộc sống, ngành Tài nguyên và Môi trường sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương, định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, nâng cao chất lượng các quy định thủ tục hành chính theo nguyên tắc chỉ ban hành và duy trì các thủ tục

hành chính thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp, có chi phí tuân thủ thấp nhất; chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và bổ sung, bãi bỏ các thủ tục chồng chéo, rườm rà; tăng cường tập huấn, hướng dẫn các nội dung cơ bản của Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Việc giải quyết các văn bản, hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nếu như cuối năm 2023, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ là 11,6% thì đến nay đã đạt trên 70%.

Nguồn: baoyenbai.com.vn

TUYÊN QUANG: HIỆU QUẢ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Trong năm 2024, tỉnh Tuyên Quang được ghi nhận là một trong những tỉnh, thành phố có thứ hạng cao về Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của Chính phủ. Kết quả này là sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, địa phương trong việc ứng dụng chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính.

Nâng cao chất lượng dịch vụ công

Thực hiện chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính, thời gian qua, tỉnh Tuyên Quang đã triển khai mạnh mẽ các dịch vụ công trực tuyến, giúp giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà và tiết kiệm thời gian cho người dân. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đã được áp dụng rộng rãi, giúp người dân thực hiện nhiều thủ tục hành chính mà không cần phải trực tiếp đến các cơ quan nhà nước. Điều này không chỉ tăng tính minh bạch mà còn giảm thiểu chi phí hành chính, tạo sự thuận tiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Hiệu quả rõ rệt là tỷ lệ giải quyết hồ sơ qua mạng ngày càng tăng, thời gian xử lý thủ tục giảm đáng kể.

Chị Dương Hải Yến, hộ khẩu ở tỉnh Tuyên Quang hiện đang làm việc tại TP. Hồ Chí Minh cần xin cấp phiếu lý lịch tư pháp. Qua tìm hiểu thông tin chị thấy việc cấp phiếu hoàn toàn có thể đăng ký giải quyết bằng hình thức trực tuyến. Qua vài thao tác thực hiện theo hướng dẫn của hệ thống, chị Yến đã hoàn thành việc nộp hồ sơ và nhận thông báo và trả kết quả qua đường bưu chính. Chị Yến cho biết: việc giải quyết thủ tục hành chính ngày nay đã có sự thay đổi vượt bậc so với trước đây.

Sở Tư pháp là một trong những đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính và đạt được hiệu quả cao. Ngay từ năm 2013, Sở đã cài đặt đưa vào sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành và triển khai tới phòng Tư pháp cấp

huyện. Hiện, Sở Tư pháp đang quản lý sử dụng 15 phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong quản lý các lĩnh vực công tác tư pháp. Sở đã số hóa 100% sổ hộ tịch, sớm hơn 8 tháng so với quy định của Chính phủ và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang...; tỷ lệ hồ sơ được nộp trực tuyến của Sở luôn đạt cao nhất toàn tỉnh; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt gần 100%.

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp cũng đã và đang khai thác tối đa lợi thế của mạng xã hội để trao đổi công việc, điều hành. Có thể nói, việc đẩy mạnh chuyển đổi số không chỉ giúp cho Sở nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý điều hành mà còn giúp người dân giải tỏa nhiều vấn đề liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính mà ngành phụ trách như: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí, cấp phiếu lý lịch tư pháp...

Không cần tới cơ quan hành chính nộp hồ sơ, thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe mà có thể thực hiện tại nhà bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối Internet là những tiện ích mà người dân nhận được thông qua dịch vụ công toàn trình cấp đổi giấy phép lái xe trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đã được Sở Giao thông vận tải triển khai từ năm 2022. Qua đó, góp phần giảm áp lực cho cơ quan quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho người dân đăng ký, kê khai thông tin qua mạng.

Anh Nguyễn Văn Thành, phường Hưng Thành (TP. Tuyên Quang) cho biết, trước đây mỗi lần cấp đổi giấy phép lái xe anh thường mất từ 1 - 2 ngày xếp hàng, làm thủ tục rất mất thời gian và ảnh hưởng đến thu nhập do phải nhờ lái xe khác làm thay. Kể từ khi biết Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia, anh Thành như thấy thực hiện dễ dàng, thuận tiện.

Lấy người dân làm trung tâm

Để nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tỉnh Tuyên Quang đã hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo hướng triển khai dùng chung trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh. Đồng thời, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công quốc gia... với Hệ thống định danh và xác thực điện tử. Điều này cho phép công dân đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử. Người dân và doanh nghiệp khi đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ có một không gian lưu trữ dữ liệu điện tử, giúp lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử liên quan đến giao dịch hành chính.

Để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, người dân, tổ chức được giảm 50% mức thu lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang công khai số điện thoại của công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Hằng tháng, công khai kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh đối với Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Nhờ sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong đẩy mạnh chuyển đổi số đã góp phần nâng cao thứ hạng trong Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh (trong tháng 6 và tháng 7/2024 xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố). Năm 2023, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Tuyên Quang xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố tăng 16 bậc so với năm 2022; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh tăng 2,59 điểm, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố.

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

KIÊN GIANG: HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN 06

Công an tỉnh Kiên Giang đã phát huy được vai trò thường trực triển khai thực hiện Đề án 06 tại địa phương, tập trung chỉ đạo Công an cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện có hiệu quả Đề án 06 theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tỉnh Kiên Giang là tỉnh duy nhất của cả nước đến nay đang ký thực hiện mô hình “Định danh tàu thuyền”.

Công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được quan tâm triển khai thực hiện, nhất là Đề án 06 đã đạt được những kết quả tích cực, được người dân, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ, đánh giá cao. Qua đó, góp phần thay đổi phương thức quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản lý công dân, hạn chế tiêu cực, tiết kiệm thời gian, công sức tạo nền tảng quan trọng để triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Công an tỉnh đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành 5 Nghị quyết về miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết lãnh đạo thực hiện Mô hình của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2024 - 2025” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Công an tỉnh Kiên Giang đã kiểm tra, đánh giá bằng thông đường truyền, đảm bảo an ninh, an toàn 2 hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Căn cước công dân từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỉnh Kiên Giang phối hợp với Cục An toàn thông tin và Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về bảo đảm an toàn thông tin.

Thượng tá Phạm Thị Cúc, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Kiên Giang cho biết, hiện trên địa bàn tỉnh, 100% các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã đều có mạng cục bộ và kết nối internet. Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức từ cấp tỉnh, huyện và cấp xã đạt 100%. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang và 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã đáp ứng yêu cầu triển khai phục vụ người dân, doanh nghiệp và thực hiện số hóa thủ tục hành chính. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang từng bước phát huy hiệu quả, hiện nay cung cấp 1.902 thủ tục

hành chính đạt tỷ lệ 100% và tích hợp 1.390/1.902 dịch vụ công trực tuyến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp; tỷ lệ hồ sơ được đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt tỷ lệ 94,32%.

Đối với TP. Phú Quốc, Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 tỉnh Kiên Giang đã tập trung đồng bộ các biện pháp, giải pháp thúc đẩy mạnh triển khai thực hiện tập trung 24 nhiệm vụ theo kế hoạch phù hợp với đặc điểm của TP. Phú Quốc với 5 nhóm nhiệm vụ. Đầu tháng 11/2024, TP. Phú Quốc đã chính thức vận hành hệ thống camera AI với 41 camera được triển khai lắp đặt ở 7 điểm là các cửa ngõ giao thông, khu vực tập trung dân cư.

Thượng tá Mai Phương Nam, Trưởng Công an TP. Phú Quốc cho biết, đây là một trong những bước tiến quan trọng trong việc triển khai công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn TP. Phú Quốc. Hệ thống camera trí tuệ nhân tạo được tích hợp với các tính năng nhận diện khuôn mặt, biển số xe, phân tích hành vi, và phát hiện các tình huống bất thường trong thời gian thực. Các camera này được lắp đặt ở những khu vực trọng yếu như: các tuyến đường chính, các khu du lịch, và các khu dân cư đông đúc, nhằm hỗ trợ công tác quản lý và xử lý tình huống nhanh chóng, hiệu quả. Sau khi đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống camera trí tuệ nhân tạo giám sát sẽ nhận diện các đối tượng ra vào trên địa bàn TP. Phú Quốc; chuyển đổi trạng thái quản lý các loại đối tượng từ thủ công sang chuyển đổi số trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện trong tình hình hiện nay.

Công an tỉnh Kiên Giang cũng đã chủ động xây dựng và đề nghị Bộ Công an công nhận sáng kiến về mô hình “Sơ đồ quản lý dân cư của Cảnh sát khu vực” tại TP. Phú Quốc và tỉnh Kiên Giang cũng là tỉnh duy nhất của cả nước đến nay đăng ký thực hiện mô hình “Định danh tàu thuyền”.

Nguồn: [cand.com.vn](#)

HẬU GIANG: ĐẨY MẠNH SỬ DỤNG HỒ SƠ ĐIỆN TỬ KHI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sử dụng các hồ sơ điện tử để thay thế giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính đang trở thành xu hướng tất yếu.

Các sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện giải pháp cho phép sử dụng các hồ sơ điện tử để thay thế giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính, tránh yêu cầu người dân phải đính kèm thêm nhiều loại thủ tục giấy tờ không cần thiết.

Đây là chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang Đồng Văn Thanh tại Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính; dân vận chính quyền và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh năm 2024 do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, chiều ngày 19/01/2025.

Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đề nghị, các sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, cho phép sử dụng các hồ sơ điện tử tích hợp trên bảng định danh điện tử để thay thế giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính. Đồng thời, có phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa, tránh yêu cầu người dân phải đính kèm thêm nhiều loại thủ tục giấy tờ không cần thiết khi dữ liệu đã được số hóa và hoàn thành tối thiểu 50% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; có phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính hoàn thành trong Quý II năm 2025.

Các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp Công an tỉnh Hậu Giang làm sạch các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo đồng bộ, hiệu quả với các dữ liệu tham gia theo hướng dẫn của Trung ương. Công an tỉnh phối hợp các cơ quan liên quan chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành kế hoạch thực hiện Đề án 06 năm 2025, nội dung công việc phải thể hiện rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm.

Trong thực hiện công tác cải cách hành chính, dân vận chính quyền, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang Đồng Văn Thanh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ; triển khai nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hay để mang lại hiệu quả thiết thực phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Cùng với đó, đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng ứng dụng chuyển đổi số trong cải cách hành chính; tập trung phát triển hạ tầng số, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời việc công bố công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công; có giải pháp nâng chất hoạt động Bộ phận Một cửa, hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, giảm thiểu tỷ lệ trễ hạn trong giải quyết thủ tục.

Các cấp, ngành tiếp tục có giải pháp thực hiện hiệu quả công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và giải quyết kịp thời, dứt điểm những vấn đề liên quan đến quyền lợi của nhân dân; tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình “Dân vận khéo”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công tác dân vận.

Năm 2024, tỉnh Hậu Giang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuẩn hóa bộ thủ tục, kịp thời cập nhật, sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp. Chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ và đúng quy định tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu. Trong năm, các cấp trong tỉnh tiếp nhận trên 374.160 hồ sơ, đã giải quyết 371.185 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,26%.

Tỉnh Hậu Giang đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại 100% cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã; hệ thống triển khai tập trung, đồng bộ; hệ thống đã liên thông và cập nhật thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong năm, các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang triển khai thực hiện tốt các nội dung công tác dân vận chính quyền, mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và chính quyền ngày càng được thắt chặt, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố. Từ đó, đã tác động tích cực, tạo ra chuyển biến tốt về cách nghĩ, cách làm, cũng như phong cách làm việc của cán bộ, đảng viên và người lãnh đạo theo hướng gần dân, tôn trọng dân và có trách nhiệm với dân, góp phần hạn chế quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

Các cấp trong tỉnh đã tổ chức được 155 cuộc đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với người dân với 12.318 đại biểu tham dự và xử lý trên 20.290 ý kiến phản ánh, kiến nghị. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm triển khai, tuyên truyền về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, không tín ngưỡng tôn giáo, đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, phát huy dân chủ trong mọi tầng lớp nhân dân; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong thực hiện Đề án 06, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang xác định 43 nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện liên quan đến công tác tuyên truyền, làm sạch dữ liệu dân cư; cấp, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, triển khai các tiện ích của thẻ căn cước gắn chip, ứng dụng VNeID; các dịch vụ công thiết yếu; bố trí kinh phí, nguồn nhân lực; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; triển khai các nhiệm vụ được giao về xây dựng Trung tâm dữ liệu Quốc gia; không dùng tiền mặt; cấp phiếu lý lịch tư pháp, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên VNeID; làm sạch các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo theo tiến độ kế hoạch đề ra.

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành 23 nhiệm vụ, 8 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, 12 nhiệm vụ đang thực hiện theo tiến độ của Đề án 06, không có nhiệm vụ chưa hoàn thành.

Nguồn: bnews.vn

ĐỒNG THÁP: XỬ LÝ HỒ SƠ CÔNG VIỆC THEO TIẾN ĐỘ “1 - 3 - 5” ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh Đồng Tháp, lãnh đạo địa phương này đã ban hành chỉ thị về việc tăng cường kỷ cương hành chính, theo đó sẽ xử lý hồ sơ công việc theo tiến độ “1 - 3 - 5” nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương.

Hơn 10.700 tỷ đồng vốn đăng ký đầu tư trong năm 2024

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp trong năm 2024, tỉnh này thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả vượt trội hơn so với năm 2023, tạo nền tảng khá vững chắc để bứt phá trong năm 2025.

Cụ thể là: công bố Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng trưởng công nghiệp và xây dựng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình

quân đầu người vượt chỉ tiêu kế hoạch; kim ngạch xuất khẩu lần đầu tiên chạm mốc 2 tỷ USD xuất khẩu gạo và thủy sản chế biến dẫn đầu cả nước.

Tăng trưởng kinh tế ước đạt 6,44% (năm 2023 là 5,61%), quy mô kinh tế theo giá hiện hành tăng thêm 12.000 tỷ đồng, đạt mốc 122.700 tỷ đồng (xếp thứ 6 trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long). GRDP bình quân đầu người đạt 76,67 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước đạt 9.434 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục kéo giảm còn 1,08%. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm hơn 41.800 người.

Năm 2024, tỉnh Đồng Tháp về đích sớm các chỉ tiêu 5 năm như: giảm tỷ lệ hộ nghèo, hợp tác xã thành lập mới, một số chỉ tiêu thành phần thuộc nhóm xây dựng nông thôn mới; các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt kết quả rõ nét hơn về cả nhận thức, hành động và kết quả.

Thực hiện đạt và vượt 19/22 chỉ tiêu tại nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó, có 11 chỉ tiêu vượt và 8 chỉ tiêu đạt so với kế hoạch.

Đặc biệt, tỉnh Đồng Tháp đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức lễ công bố quy hoạch tỉnh nhằm chung sức, đồng lòng phát huy cao nhất sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xác định lộ trình phù hợp đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu quy hoạch đề ra.

Ngoài ra, trong năm 2024, tỉnh Đồng Tháp đều hoàn thành theo kế hoạch các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng nông thôn mới, phát triển sản phẩm OCOP (chương trình mỗi phường/xã một sản phẩm) và cấp nước sạch khu vực nông thôn. Năm 2024, toàn tỉnh Đồng Tháp có 581 sản phẩm OCOP (464 sản phẩm 3 sao; 116 sản phẩm 4 sao và 1 sản phẩm 5 sao) của 248 chủ thể (tăng 128 sản phẩm so năm 2023), có 379 sản phẩm OCOP được kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

Bên cạnh đó, tại buổi họp mặt doanh nghiệp mừng Xuân Ất Tỵ 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức (chiều ngày 22/01/2025), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Trần Trí Quang cũng cho biết năm 2024, tỉnh đã thành lập mới được 666 doanh nghiệp (với tổng vốn đăng ký gần hơn 4.500 tỷ đồng), 132 doanh nghiệp tái hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.374 doanh nghiệp và thu hút 10 dự án đầu tư mới (với hơn 10.700 tỷ đồng vốn đăng ký đầu tư).

Thực hiện “1 - 3 - 5” để phát triển kinh tế

Để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp Phạm Thiện Nghĩa ký ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 21/01/2025 “về việc tăng cường kỷ cương hành chính, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025”.

Cụ thể, theo Chỉ thị số 02/CT-UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Chính phủ đối với công tác, chỉ đạo điều hành năm 2025; tổ chức rà soát, phân công triển khai các trọng tâm công tác, nhiệm vụ của ngành, địa phương theo phương châm 5 rõ “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm”.

Đối với các văn bản có tính chất quan trọng phải do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp ký, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;....

Năm 2025, tỉnh Đồng Tháp đề ra 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, có nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp và công nghiệp; nâng cao chất lượng du lịch gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng chính quyền năng động, hiệu lực, hiệu quả;....

Ngoài ra, đối với lĩnh vực đầu tư, tỉnh Đồng Tháp đề ra mục tiêu huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn trong năm 2025 khoảng 32.538 tỷ đồng (tăng 7.571 tỷ đồng so với năm trước), chiếm 24% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP). Trong đó, vốn đầu tư công do tỉnh phân bổ và quản lý là 7.837 tỷ đồng, phân đấu giải ngân hết vốn.

Đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng yêu cầu đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ công việc theo tiến độ: tiếp nhận, phân công cán bộ, công chức thực hiện trong 1 ngày; phối hợp xử lý trong 3 ngày; thời hạn hoàn thành mỗi công việc không quá 5 ngày. Đối với các công việc khẩn cấp, thời gian thực hiện ngắn phải ưu tiên, bố trí nhân sự thực hiện phù hợp, chủ động, linh hoạt để hoàn thành đúng hạn. Mỗi nội dung họp để cho ý kiến giải quyết, xử lý không quá 2 lần (khoảng cách giữa 2 lần họp không quá 1 tháng).

Cũng theo Chỉ thị số 02/CT-UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu tập trung tối đa nguồn lực hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng GRDP ít nhất 8%; phấn đấu hoàn thành đạt, vượt 22 chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực năm 2025 đã đề ra; khẩn trương triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu, dự án của ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương ngay trong tháng 01/2025; chuẩn bị thật tốt để triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực và các đề án, chương trình, dự án trọng tâm.

Cùng với đó, tập trung triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy “tinh - gọn - mạnh, hiệu lực, hiệu quả” theo chủ trương của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tập trung giải quyết các hồ sơ, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương, nhất là các giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính,...

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

KỶ NGUYÊN SỐ - BỐI CẢNH VÀ CƠ HỘI CHO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 79 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2024), bên cạnh việc khẳng định những thành tựu vĩ đại của đất nước trong 79 năm qua, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cho rằng, Việt Nam sẽ tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc(1). Từ đó đến nay, trong một số bài viết, bài phát biểu tại các sự kiện quan trọng, đồng chí Tổng Bí thư không chỉ tiếp tục đề cập, mà còn phân tích rất cụ thể về những hàm ý, nội hàm, cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc; đồng thời đưa ra những định hướng chiến lược về vấn đề này.

Tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Ban Chấp hành Trung ương cũng cho rằng, dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng có nhiều nội dung mới, điểm nhấn khác biệt so với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, mang tầm chiến lược, lịch sử, có tính chất cương lĩnh để thực hiện trong giai đoạn tới; đánh dấu mốc quan trọng đặc biệt cho Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với yêu cầu của thời đại, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam(2).

Ban Chấp hành Trung ương cũng xác định, trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cần tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh văn hóa, con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; đưa nước ta trở thành nước đang phát triển, thu nhập trung bình cao, có công nghiệp hiện đại vào năm 2030, thiết thực kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, hướng tới hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thành mục tiêu 100 năm thành lập nước, đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao; tạo tiền đề vững chắc để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới vì một Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể thấy, trong những nội dung, vấn đề quan trọng liên quan đến kỷ nguyên vườn mình của dân tộc được đồng chí Tổng Bí thư cũng như Ban Chấp hành Trung ương đề cập, có một vấn đề được đề cập nhiều lần, đó là chuyển đổi số; coi đây là “động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”(3). Hay trong buổi trao đổi chiều ngày 31/10/2024 với các học viên Lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (Lớp 3) tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đồng chí Tổng Bí thư còn coi chuyển đổi số là cuộc cách mạng mà chúng ta cần thực hiện để “điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo

động lực mới cho phát triển, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi do Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại, đưa đất nước đi tắt đón đầu phát triển vượt bậc”.

Có một điều khá thú vị là khi chúng ta đề cập tới kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nhân loại cũng đang đặc biệt quan tâm đến thuật ngữ kỷ nguyên số - kỷ nguyên được cấu thành bởi kinh tế số và xã hội số, gắn liền với một quá trình vận động mà chúng ta cũng đang rất quan tâm - quá trình chuyển đổi số.

Kỷ nguyên số và chuyển đổi số

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, thuật ngữ “kỷ nguyên số” hay “thời đại kỹ thuật số” (Digital Age) được hầu hết các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng và ngày càng trở nên phổ biến. Thuật ngữ này dùng để chỉ một giai đoạn mới trong lịch sử nhân loại, với việc chuyển đổi từ ngành công nghiệp truyền thống mà 3 cuộc cách mạng công nghiệp trước đây đã mang lại thông qua công nghiệp hoá, sang giai đoạn công nghệ số trở thành nhân tố quan trọng của lực lượng sản xuất; đồng thời xác lập một phương thức sản xuất mới, tiên tiến, hiện đại, tạo động lực mới cho sự phát triển...

Kỷ nguyên số được cho là bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ XX, cùng với sự ra đời của máy tính cá nhân và việc sử dụng rộng rãi internet vào thập niên sau đó. Trong kỷ nguyên này, các hoạt động/quá trình xã hội, kinh tế và chính trị được hỗ trợ bởi các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), công nghệ kỹ thuật số như: máy tính, thư điện tử (email), Internet, trò chơi điện tử, video... Trong những năm gần đây, kỷ nguyên số được thúc đẩy mạnh mẽ hơn bởi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, gắn với quá trình chuyển đổi số toàn diện. Kỷ nguyên số cũng làm xuất hiện những dạng thức mới trong đời sống xã hội của thế giới đương đại, như đời sống số, tri thức số, văn hóa số, Chính phủ số, đô thị số, công dân số... Đây cũng được xem là những yếu tố có thể tạo nên những tác động sâu sắc tới sự phát triển, vận động của thế giới cũng như của từng quốc gia, doanh nghiệp, người dân trong nhiều thập niên tới...

Kỷ nguyên số được cấu thành bởi 2 yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau, đó là kinh tế số và xã hội số. Tuy nhiên, 2 yếu tố này không phải là bất biến mà là quá trình động, gắn liền với chuyển đổi số (Digital Transformation) - việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau.

Trong đó, kinh tế số là nền kinh tế mà toàn bộ các hoạt động kinh tế đều dựa trên công nghệ số và nền tảng số. Kinh tế số cũng là cốt lõi của các loại hình kinh tế đang được lan tỏa như kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế thông minh, kinh tế tuần hoàn. Kinh tế số tạo điều kiện để tăng năng suất lao động, mở ra không gian tăng trưởng mới cho sự phát triển bền vững, bao trùm, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần tạo những nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

Khi đề cập đến kinh tế số, người ta cũng thường nói tới chuyển đổi số nền kinh tế. Đây là quá trình thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp số, các ngành công nghiệp dựa trên số và phát triển thị trường dịch vụ - hàng hóa số, bao gồm thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới trong ngành

công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; kích thích nhu cầu các hàng hóa, dịch vụ số thông qua tích hợp công nghệ thông tin và truyền thông vào hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp; thúc đẩy sự cạnh tranh và đổi mới của các doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông...

Về xã hội số. Đây là xã hội mà toàn bộ các hoạt động của đời sống xã hội cũng như cuộc sống của từng con người đều được ứng dụng và tích hợp công nghệ số; làm thay đổi mọi phương diện của tổ chức xã hội, từ chính phủ, cộng đồng tới từng người dân. Chuyển đổi số xã hội tập trung vào việc ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội và địa lý, giảm chi phí cuộc sống, hiện thực hóa quyền lợi người dân,... trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội...

Xã hội số gồm 3 yếu tố cơ bản nhất là chính phủ số, văn hóa số và công dân số. Trong đó:

Chính phủ số là bộ máy chính quyền sử dụng công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông vào việc quản lý, điều hành để xây dựng nền hành chính khoa học, hiệu quả, minh bạch, dân chủ; xây dựng đô thị thông minh, nông thôn văn minh... Chuyển đổi số trong cơ quan chính phủ hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, tăng cường sự tham gia của người dân trong các hoạt động của cơ quan nhà nước; tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của các cơ quan này để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Trong xã hội số, văn hóa số là các quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức và sự hưởng thụ các giá trị văn hóa của con người trong môi trường số.

Công dân số là công dân thành thực công nghệ số, có khả năng truy cập các nguồn thông tin số, có khả năng giao tiếp theo chuẩn mực đạo đức trong môi trường số, thực hiện quyền và trách nhiệm trong môi trường số, có kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ số hiệu quả phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân và phục vụ cộng đồng.

Cùng với đó, khi đề cập tới kỷ nguyên số hay chuyển đổi số, người ta cũng nhấn mạnh tới những yếu tố có vai trò nền tảng như hạ tầng số, lực lượng lao động số, các hoạt động nghiên cứu công nghệ số và đặc biệt là môi trường pháp lý cho sự vận hành và phát triển của kinh tế số, xã hội số... Trong đó, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số bao gồm mạng Internet và những công nghệ quan trọng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như điện toán đám mây (cloud computing), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI)... Việc phát triển hạ tầng số bao gồm cả phát triển hạ tầng vật lý và phát triển hệ sinh thái tạo điều kiện cho các hoạt động số.

Trong kỷ nguyên số, lực lượng lao động phải là lực lượng lao động số. Đây là lực lượng có đầy đủ năng lực và kỹ năng số theo chuẩn quốc tế và có khả năng sử dụng công nghệ một cách đầy đủ, sáng tạo để áp dụng cho công việc.

Cùng với đó, để kinh tế số và xã hội số phát triển, hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ số cũng có vai trò rất quan trọng. Hoạt động này bao gồm: tăng cường các hoạt động nghiên cứu về các giải pháp công nghệ mới, chủ đề nghiên cứu mới; có chiến lược phát triển

hạ tầng nghiên cứu số như mở rộng nguồn tài liệu, kho dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ để hỗ trợ và hỗ trợ cho các hạ tầng điện tử khác...

Đặc biệt, để bảo đảm môi trường an toàn, tin cậy, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, cần có các chính sách về an toàn an ninh thông tin; chính sách bảo vệ quyền sở hữu, thông tin riêng tư trên các nền tảng số; chính sách chấp nhận các nguyên tắc quốc tế về thông tin công; chính sách coi dữ liệu là tài sản để quản lý; chính sách quốc gia về định danh an toàn bảo mật; chính sách về công nghệ tài chính (Fintech), thương mại điện tử, thanh toán điện tử...; chính sách cho các lĩnh vực như chính phủ số, giáo dục số, y tế số, kinh tế số...

Như chúng ta đã biết, kỷ nguyên số không phải là một kết quả có sẵn mà là thành quả của cả một quá trình vận động, chuyển đổi không ngừng theo hướng số hóa, dựa vào kỹ thuật số. Trong quá trình đó, những lợi ích mang lại từ chuyển đổi số là rất lớn. Một trong những lợi ích dễ thấy nhất của chuyển đổi số là loại bỏ các công đoạn, công việc gây lãng phí thời gian một cách không cần thiết. Điều đó được thực hiện thông qua việc triển khai công nghệ kỹ thuật số, sử dụng phần mềm để tiến hành những công việc mà trước đây con người phải làm thủ công. Việc tự động hóa quy trình nghiệp vụ thường được coi là bước đệm để chuyển đổi số toàn diện hơn, đồng thời cũng là một trong những kết quả của chuyển đổi số. Cùng với đó, việc đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ thông qua chuyển đổi số, nhất là trong việc thực hiện các công việc có khối lượng lớn, tính chất lặp lại với độ chính xác cao hơn, thời gian nhanh hơn,... sẽ giúp tổ chức cung cấp dịch vụ nâng cao hiệu quả hoạt động, thậm chí có thể cắt giảm nhiều nhân lực.

Ở góc độ của người thụ hưởng dịch vụ, thông qua chuyển đổi số, họ cũng sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí hơn; có điều kiện tiếp cận các dịch vụ và sự hỗ trợ thông qua các phương thức tương tác ưa thích. Chẳng hạn như thông qua khai thác hiệu quả các công cụ kỹ thuật số, tổ chức có thể thiết lập hệ thống hỗ trợ đa kênh, cho phép khách hàng, người sử dụng dịch vụ liên hệ, trò chuyện trực tiếp trên trang web, email, ứng dụng dành cho thiết bị di động hoặc thông qua diễn đàn được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI). Qua đó, các tổ chức có thể theo dõi các tương tác, nắm bắt và thu thập phản hồi từ khách hàng, từ đó xử lý, đưa ra các giải pháp được cá nhân hóa.

Tương tự, các tổ chức có thể sử dụng những công cụ và quy trình kỹ thuật số để giúp đối tượng dễ dàng tiếp cận thông qua hệ thống dịch vụ trực tuyến, thương mại điện tử và các nền tảng di động và những công cụ kỹ thuật số khác...

Nếu như những lợi ích trên là rất dễ nhìn thấy và cảm nhận, thậm chí được xem là “thước đo” của chuyển đổi số thì cải thiện việc ra quyết định được xem là hiệu quả nội tại quan trọng nhất của tiến trình này. Theo đó, việc thực hiện các quy trình kỹ thuật số có khả năng xác định rõ những điểm mạnh và những điều tổ chức cần phải cải thiện. Tất cả dữ liệu được lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số, thường là trong thời gian thực, làm cho việc nhận dạng các mẫu và xác định cơ hội cải tiến dễ dàng hơn nhiều. Kho lưu trữ dữ liệu trung tâm cũng có thể được khai thác để hiểu rõ hơn về những điểm “tắc nghẽn” trong quy trình làm việc, những vấn đề thường xảy ra nhất, hiệu suất của nhân viên, sở thích - hành vi của khách hàng và nhiều lĩnh vực khác. Việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số và phát triển các quy trình liên quan cũng sẽ

giúp tổ chức dễ dàng hơn nhiều trong việc tạo báo cáo và xác định các lĩnh vực cần cải thiện so với việc khảo sát, lấy mẫu và thu thập phản hồi thủ công.

Các tổ chức cũng có thể thúc đẩy hiệu quả việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua tích hợp các công cụ kỹ thuật số, điều chỉnh các quy trình hiện có từ việc thiết lập các điểm kiểm tra kỹ thuật số hoặc tự động hóa quy trình và giám sát đầu ra thông qua các thiết bị IoT. Với nhiều dữ liệu hơn và quy trình xử lý dữ liệu được tối ưu hóa, việc ra quyết định sẽ không chỉ nhanh hơn mà còn có chính xác hơn.

Ngoài ra, một lợi ích quan trọng khác của chuyển đổi số là phá vỡ các hệ thống hạn chế và tận dụng các giải pháp thay thế hiện đại. Trên thực tế, các quy trình được đưa ra dựa trên công nghệ cũ thường có độ trễ so với thực tế, đòi hỏi đầu vào thủ công và điều này có thể tạo ra những “điểm nghẽn”, nhất là khi khối lượng công việc tăng đột biến. Trong khi đó, các quy trình dựa trên công nghệ số có khả năng tích hợp cao hơn, dễ kết nối các bộ phận khác nhau trong nội bộ, bảo đảm sự vận hành thông suốt và linh hoạt, từ đó nâng cao hiệu quả. Chuyển đổi số cũng cho phép các tổ chức phản ứng nhanh hơn với những xu hướng mới, nhất là xu hướng luôn thay đổi của thị trường.

Với các công nghệ mới, điển hình như chuỗi khối (Blockchain), tính bảo mật, sự an toàn, tin cậy và minh bạch của dữ liệu nội bộ, dữ liệu khách hàng được bảo đảm ở mức độ cao hơn, từ đó làm giảm các rủi ro kỹ thuật số, giảm chi phí vận hành cho các hệ thống...

Con đường mới cho sự phát triển

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), chuyển đổi số chính là cơ hội chuyển đổi của thời đại chúng ta. Trong Báo cáo Tiên độ và Xu hướng kỹ thuật số 2023, định chế tài chính quốc tế này cho rằng, những tiến bộ đáng kể trong công nghệ số đã thúc đẩy những thay đổi mạnh mẽ, mở ra những con đường mới cho sự đổi mới, hiệu quả và hòa nhập, mang lại những lợi ích hữu hình và khả năng mới cho các cá nhân, tổ chức và quốc gia. Chuyển đổi số không còn là sự lựa chọn mà là điều cần thiết, vì nó nắm giữ nền tảng và tiềm năng để định hình một thế giới toàn diện hơn, kiên cường hơn và bền vững hơn cho các thế hệ mai sau.

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, khi Internet tốc độ cao trở nên phổ biến, khả năng một cá nhân được tuyển dụng tăng lên tới 13,2%; tổng số việc làm trên mỗi công ty tăng lên tới 22% và xuất khẩu tăng gấp gần 4 lần. Trên khắp châu Phi, phạm vi phủ sóng 3G được cho rằng có liên quan trực tiếp với việc giảm 10% tình trạng nghèo đói cùng cực ở Senegal và 4,3% ở Nigeria. Phân tích và ra quyết định dựa trên dữ liệu cũng có thể thúc đẩy doanh số bán hàng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trở nên mạnh mẽ hơn. Công nghệ số cũng có thể giảm phát thải khí nhà kính tới 20% vào năm 2050 trong 3 lĩnh vực phát thải cao nhất gồm năng lượng, vật liệu và giao thông vận tải...

Riêng trong lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho biết đây là ngành động lực của đổi mới và tăng trưởng. Về đổi mới, từ năm 1980 đến năm 2021, số lượng bằng sáng chế được công bố trên toàn cầu trong lĩnh vực công nghệ máy tính tăng tới 27 lần. Số lượng bằng sáng chế được công bố trong các lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông khác cũng tăng hơn 10 lần, cao hơn khoảng 5 lần so với mức tăng

của các lĩnh vực công nghệ khác. Cùng với đó, công nghệ thông tin và truyền thông cũng là phân khúc sôi động nhất và phát triển nhanh nhất của nền kinh tế toàn cầu trong 2 thập niên qua. Tỷ lệ tăng trưởng kép hằng năm của giá trị gia tăng toàn cầu và việc làm cho các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông lần lượt đạt 8% và 6,7% trong giai đoạn 2000 - 2022, vượt xa mức tăng trưởng 5,1% và 1,2% của nền kinh tế toàn cầu. Hầu hết các quốc gia đều có sự gia tăng mạnh mẽ về việc làm trong các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông. Việc làm toàn cầu trong các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông đã tăng gấp 4 lần trong giai đoạn 2000 - 2022.

Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cũng là phân khúc dịch vụ năng động nhất của thương mại quốc tế trong thập niên qua, tạo ra con đường tăng trưởng do xuất khẩu dẫn đầu cho các quốc gia để mở rộng và đa dạng hóa nền kinh tế của họ. Cụ thể, trong giai đoạn 2010 - 2022, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông tăng trưởng 12% mỗi năm, vượt qua tất cả các dịch vụ khác (riêng năm 2011 tăng trưởng tới 19%); đến năm 2022, đây là dịch vụ xuất khẩu lớn thứ ba, chỉ sau vận tải và du lịch... Trong khi đó, xuất khẩu hàng hóa công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu cũng tăng nhanh hơn tổng xuất khẩu hàng hóa, tăng từ 1.700 tỷ USD năm 2010 lên 2.900 tỷ USD vào năm 2021, chủ yếu nhờ xuất khẩu thiết bị truyền thông và chất bán dẫn.

Bối cảnh và cơ hội mới cho Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình

Là quốc gia đang tích cực hội nhập toàn diện, sâu rộng với thế giới, nhất là hội nhập về kinh tế, có thể nói, kỷ nguyên số, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng như tiến trình chuyển đổi số mạnh mẽ trên toàn cầu trong giai đoạn hiện nay chính là bối cảnh, môi trường; đồng thời là cơ hội quan trọng cho sự phát triển của Việt Nam.

Để tận dụng được cơ hội đó, Đảng và Nhà nước ta đã sớm có những định hướng quan trọng trong xây dựng chính sách và một số chương trình để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cụ thể như: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhấn mạnh “khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019, của Bộ Chính trị, về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” xác định: “Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội...”. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã có Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17/4/2020, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị; ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”...

Theo đó, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” xác định mục tiêu cơ bản là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với tầm nhìn đến năm 2030 là đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều

hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Từ quan điểm nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số; người dân là trung tâm của chuyển đổi số; thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số..., Chính phủ xác định rõ 6 nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo nền móng chuyển đổi số bao gồm chuyển đổi nhận thức về sứ mệnh, sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số trong xã hội; kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh; phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng; phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho xã hội; tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; thu hút nhân tài, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

Chương trình cũng xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số. Trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí; cải thiện chỉ số xếp hạng quốc gia về Chính phủ điện tử.

Cùng với đó, thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Về phát triển xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau.

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia cũng xác định 8 lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trước, bao gồm: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp. Trong đó, cần chú

trọng việc triển khai các sáng kiến nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực để cung cấp một trải nghiệm mới, hoàn toàn khác, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Cụ thể hóa những định hướng của Đảng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chuyển đổi số đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm cao từ Trung ương đến cơ sở. Giai đoạn 2021 - 2024, Quốc hội đã ban hành 3 luật liên quan (Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử, Luật Căn cước); Chính phủ đã ban hành 19 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 43 quyết định, 14 chỉ thị, 4 công điện và các Bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản hướng dẫn chuyển đổi số và triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).

Với những chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, chuyển đổi số quốc gia ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo thông tin tại Hội nghị Thường trực Chính phủ về chuyển đổi số với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức vào tháng 7/2024, thời gian qua, Chính phủ số tiếp tục có bước phát triển. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh (đã có 16,4 triệu tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia; cung cấp 4.543/6.325 thủ tục hành chính, 43/53 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06).

Bên cạnh đó, kinh tế số, xã hội số tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Sản phẩm số của doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển và xuất khẩu đi khắp thế giới. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm số tăng từ 113,5 tỷ USD năm 2021 lên 117,3 tỷ USD năm 2023; 6 tháng năm 2024 đạt 64,9 tỷ USD, tăng 23%. Doanh thu phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin tăng khá (năm 2023 đạt 13 tỷ USD; 6 tháng đầu năm 2024 đạt 6 tỷ USD); xuất khẩu năm 2023 đạt 7,5 tỷ USD; 6 tháng đầu năm 2024 đạt gần 3 tỷ USD. Nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đã đầu tư lớn tại Việt Nam, cam kết đầu tư mới và mở rộng đầu tư, nhất là trong lĩnh vực mới như điện tử, chip bán dẫn, nghiên cứu phát triển, trí tuệ nhân tạo (AI)...

Số hóa các ngành kinh tế, công tác chuyển đổi số trong quản lý, đầu tư xây dựng, sản xuất được triển khai mạnh mẽ. Doanh thu thương mại điện tử tăng từ 13,7 tỷ USD năm 2021 lên 20,5 tỷ USD năm 2023. Thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai rộng khắp trên phạm vi cả nước. Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 87%, vượt mục tiêu năm 2025 là 80%. Hiện, có 9,13 triệu khách hàng sử dụng Mobile Money, trong đó 72% số khách hàng tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Hệ thống thuế điện tử được xây dựng đồng bộ từ đăng ký thuế đến khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử và triển khai Hệ thống hoá đơn điện tử trên toàn quốc (xử lý 8,8 tỷ hóa đơn).

Chuyển đổi số phục vụ người dân, an sinh xã hội có bước phát triển mạnh mẽ, như đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông, đăng ký xét tuyển trực tuyến trong giáo dục; liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, khai tử...; trong bảo hiểm xã hội (trong cao điểm đại dịch COVID-19, trong 1 tháng đã chi trả 31.836 tỷ đồng cho trên 13,3 triệu lượt người lao động qua hệ thống điện tử); 63/63 địa phương thực hiện chi trả an sinh xã hội qua tài khoản cho 1,96 triệu người với số tiền trên 8.280 tỷ đồng.

Đến nay, các cơ sở dữ liệu mang tính nền tảng như: dân cư, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục và đào tạo,... đã đi vào vận hành ổn định, mang lại hiệu quả tích cực; hạ tầng số, nền tảng số được quan tâm đầu tư và có bước phát triển; 100% số xã, phường, thị trấn kết nối internet cáp quang...

Những kết quả trong chuyển đổi số của Việt Nam được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao. Trong đó, chỉ số Chính phủ điện tử năm 2022 xếp hạng 86/193. Chỉ số Đổi mới sáng tạo luôn duy trì trong nhóm 50 nước dẫn đầu từ năm 2018 đến nay; năm 2023 xếp hạng 46/132. Chỉ số Bru chính năm 2023 đạt cấp độ 6/10, xếp hạng 47/172...

Từ những phân tích trên, có thể thấy kỷ nguyên số - kỷ nguyên gắn liền với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số là một xu thế tất yếu. Kỷ nguyên này mang đến những cơ hội rất quan trọng cho sự phát triển của nhân loại nói chung, đất nước Việt Nam nói riêng trong hàng chục năm tới. Vấn đề đặt ra là các quốc gia, trong đó có Việt Nam, cần có những giải pháp phù hợp và hiệu quả để khai thác được cơ hội này. Với những kết quả đã đạt được trong thời gian qua và những định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước trong chuyển đổi số, chúng ta có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để tin rằng, “với thế và lực tích lũy được sau 40 năm đổi mới đất nước; với những kết quả đã đạt được trong thời gian qua và những định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước trong chuyển đổi số, chúng ta có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để tin rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số, tạo ra bước đột phá trong phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước ta, dân tộc ta vươn mình vượt bậc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tiên tiến, văn minh, hiện đại”(4) như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định.

TS. Nguyễn Tri Thức, Tạp chí Cộng sản

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

Ghi chú:

(1) Xem: GS. TS. Tô Lâm: Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, *Tạp chí Cộng sản* điện tử; https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi.

(2) <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/thong-bao-hoi-nghi-lan-thu-10-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-119240921103923213.htm>

(3) Xem: GS. TS. Tô Lâm: Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, *Tạp chí Cộng sản* điện tử; *tlđđ*.

(4) Xem: GS. TS. Tô Lâm: Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, *Tạp chí Cộng sản* điện tử; *tlđđ*.

TIẾP TỤC CẢI CÁCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, GIÚP DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Với hàng loạt chỉ đạo chi tiết, cùng mục tiêu cụ thể, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2025 được kỳ vọng sẽ tạo động lực thúc đẩy môi trường kinh doanh ngày một thuận lợi, giúp doanh nghiệp phục hồi, phát triển.

Cải cách tạo điểm tựa thúc đẩy phát triển doanh nghiệp

Nghị quyết số 02/NQ-CP mang theo thông điệp cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên, thể hiện mức độ quan tâm và đồng hành của Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp. Qua đó kỳ vọng góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp; khơi dậy động lực, tinh thần kinh doanh, góp phần thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế.

Theo các chuyên gia, môi trường kinh doanh là một trụ cột quan trọng của cải cách thể chế để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển; đóng góp có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế của ngành, địa phương và của quốc gia.

Trong nhiều năm qua, Chính phủ xác định cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; được thực thi xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương.

Từ năm 2014, hàng năm Chính phủ ban hành Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP).

Năm 2023, Chính phủ gộp nhiệm vụ cải cách môi trường kinh doanh vào thành một nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm nhằm khẳng định môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, do chỉ là một trong các nhiệm vụ của Nghị quyết số 01/NQ-CP nên mức độ quan tâm, động lực cải cách của các Bộ, ngành, địa phương mờ nhạt hơn. Trong khi đó, năm 2023, doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả từ bên ngoài cũng như lực cản trong nước; nhiều lĩnh vực rào cản đầu tư, kinh doanh trở nên nặng nề hơn; môi trường kinh doanh chạm đến những vấn đề khó, mang tính liên ngành.

Năm 2024 vừa qua, các thuận lợi, khó khăn vẫn tiếp tục đan xen, nhưng khó khăn nhiều hơn. Thực tế cho thấy doanh nghiệp đang đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn. Hơn lúc nào hết nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh cần tăng tốc và thực thi thực chất để củng cố niềm tin và tạo động lực kinh doanh cho doanh nghiệp.

Với các lý do nêu trên, Chính phủ đã khôi phục lại Chương trình cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh bằng việc ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 nhằm tạo áp lực, đồng thời khơi dậy động lực, tinh thần cải cách của các Bộ, ngành, địa phương.

Theo các chuyên gia kinh tế, sự trở lại của Nghị quyết mang theo thông điệp rằng cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên, thể hiện mức độ quan tâm và đồng hành của Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp. Qua đó, Nghị quyết số 02/NQ-CP trong năm 2024 và tiếp tục được Chính phủ ban hành ngay từ đầu năm 2025 sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp; khơi dậy động lực, tinh thần kinh doanh; từ đó thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế.

Tháo gỡ nút thắt hành chính để doanh nghiệp phát triển

Nghị quyết số 02/NQ-CP đặt mục tiêu số doanh nghiệp gia nhập thị trường (thành lập mới và quay trở lại hoạt động) năm 2025 tăng ít nhất 10% so với năm 2024; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2025 tăng dưới 10% so với năm 2024.

Giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 02/2025/NQ-CP

Nghị quyết số 02/NQ-CP đưa ra các giải pháp trọng tâm như: tháo gỡ bất cập về pháp lý và thực thi trong thực hiện dự án đầu tư; các Bộ, ngành, địa phương chú ý, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Tăng trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo các chuyên gia kinh tế, để đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP là thách thức lớn. Chính vì vậy, Nghị quyết số 02/NQ-CP đề ra các nhóm giải pháp tháo gỡ nút thắt, cải thiện môi trường kinh doanh thúc đẩy sự phục hồi phát triển của doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Bình luận về nội lực của doanh nghiệp, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) Nguyễn Đình Cung cho hay, năm 2024, số lượng doanh nghiệp tăng thêm chỉ khoảng 35.500 doanh nghiệp, chỉ bằng 1/3 so với năm 2017, thấp hơn các năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19.

“Thực tế này cho thấy những cải thiện môi trường kinh doanh vừa qua chưa đủ để khóa lấp những khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khiến doanh nghiệp dè dặt hơn. Chính vì vậy, các Bộ, ngành, địa phương cần chú trọng triển khai các nhóm giải pháp nêu tại Nghị quyết số 02/NQ-CP mạnh mẽ trong thời gian tới” - ông Nguyễn Đình Cung chia sẻ.

Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP, Trưởng ban Ban Môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh (CIEM) Nguyễn Thị Minh Thảo cho rằng, cần tập trung vào tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, bên cạnh các chỉ đạo thường thấy, như sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các quy định, thủ tục hành chính đơn giản, giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp... Nghị quyết số 02/NQ-CP nhấn mạnh các chỉ đạo của

Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, đó là thực hiện nghiêm yêu cầu chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, xóa bỏ cơ chế xin - cho.

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính khơi thông cho phát triển

Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo) tổ chức Phiên họp thứ Chín nhằm đánh giá kết quả triển khai công tác cải cách hành chính năm 2024, bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025.

Tại sự kiện, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo đánh giá, năm 2024, cải cách hành chính tiếp tục được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Cả 6 lĩnh vực (cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số) đều được quan tâm, đẩy mạnh, đôn đốc triển khai và đạt kết quả tích cực. Công tác cải cách hành chính đã có những chuyển biến mới, tích cực, kết quả đạt được khá toàn diện; nhiều rào cản, vướng mắc về thể chế, cơ chế đã được tháo gỡ; cải cách công vụ có nhiều đột phá; cải cách thủ tục hành chính có kết quả tích cực, môi trường đầu tư kinh doanh có sự cải thiện; xây dựng chính phủ điện tử, Chính phủ số được triển khai quyết liệt.

Đề cập đến mục tiêu năm 2025, Phó Thủ tướng Thường trực nêu rõ, Chính phủ đề ra chủ đề của năm 2025 là “Kỷ cương, trách nhiệm; chủ động, kịp thời; tinh gọn, hiệu quả; tăng tốc, bứt phá”, tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nghị quyết, kết luận của Đảng và Quốc hội, tập trung vào 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm giải pháp chủ yếu và 185 nhiệm vụ cụ thể.

Trong bối cảnh đó, các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương cần bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về cải cách hành chính để tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, nhất là triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: ĐIỂN HÌNH CẢI CÁCH THỂ CHẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tại Phiên họp thứ 9 Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được đánh giá là một mô hình hay, điển hình về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính trong năm 2024. Đây là thành quả tiếp nối sau nhiều năm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng công tác cải cách hành chính, xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu và luôn thể hiện sự quyết liệt,

manh mẽ, liên tục, trước hết từ nhận thức sau đến hành động, từ Thống đốc đến toàn thể cán bộ công chức và người lao động ngành Ngân hàng.

Tạo trụ đỡ cho các hoạt động kinh tế trong nước cũng như hội nhập

Với quan điểm cải cách hành chính không chỉ góp phần thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước mà còn phải đón đầu xu hướng, tạo thuận lợi cho toàn xã hội và nền kinh tế, hài hòa lợi ích với người dân, những năm qua cải cách thể chế là 1 trong 3 mũi nhọn đột phá cải cách hành chính đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chủ động, quyết liệt tạo không gian phát triển cho hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, giúp cho hoạt động ngân hàng ngày càng đóng vai trò là một trong các trụ đỡ của hoạt động kinh tế trong nước cũng như hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024. Luật Các tổ chức tín dụng 2024 đã hoàn thiện các quy định nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng, thao túng hoạt động của các tổ chức tín dụng thông qua các quy định về quản trị, điều hành và tỷ lệ bảo đảm an toàn; Đồng thời, bổ sung các quy định mới nhằm thúc đẩy phát triển các dịch vụ ngân hàng, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và luật hóa quy định về xử lý nợ xấu. Để triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng 2024 trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đồng thời chủ động rà soát xây dựng các Nghị định, Thông tư theo thẩm quyền.

Mặc dù phải xây dựng một khối lượng văn bản rất lớn và trong khoảng thời gian ngắn, tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực thực hiện kịp tiến độ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, đảm bảo hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, không có khoảng trống tại thời điểm Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024). Đến nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình ban hành/ban hành: 05 Nghị định, 03 Quyết định (trong đó có 04 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng; 01 Quyết định hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng); 63 thông tư (trong đó gồm 33 thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng 2024).

Luật Các tổ chức tín dụng cũng thể hiện quan điểm xuyên suốt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng tới nền hành chính phục vụ là đặt doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, người dân. Trong đó có nhiều nội dung cải cách thủ tục hành chính quan trọng như: Bổ sung quy định hợp nhất Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Xây dựng khung pháp lý cho việc thử nghiệm ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; Giảm quy trình thủ tục, đa dạng hóa hoạt động của các tổ chức tín dụng; Giảm bớt số lượng các hoạt động của tổ chức tín dụng phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm tự kiểm tra, kiểm soát và tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của tổ chức tín dụng ...

Không để thủ tục hành chính cản bước phát triển

Đặc biệt, trong bối cảnh năm 2024 nền kinh tế nói chung và hoạt động của ngành Ngân hàng nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt dự báo, nhưng bằng sự quyết tâm trong chỉ đạo, điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và sự nỗ lực chung trong toàn Ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã kịp thời ban hành và triển khai nhiều chính sách cụ thể để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp, tạo điều kiện khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô. Đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, quyết liệt tổ chức thực hiện các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, đơn giản hóa giấy tờ công dân, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tại báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Chính phủ ghi nhận Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là một trong 5 Bộ, cơ quan đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 7/5/2024) theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ trong năm 2024. Đặc biệt, chỉ sau hơn 6 tháng triển khai, đến nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Quyết định của Thủ tướng, cụ thể đã đơn giản hóa được 12 thủ tục hành chính thuộc 04 nhóm ngành nghề kinh doanh, trong đó sửa đổi, bổ sung 08 thủ tục hành chính; bãi bỏ 04 thủ tục hành chính.

Tính cả trong giai đoạn triển khai Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; kết quả đã cắt giảm, đơn giản hóa 55 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đã ban hành hơn 20 các văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 187 thủ tục hành chính. Tổng thể giai đoạn 2020 - 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cắt giảm, đơn giản hóa 242/613 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đạt tỷ lệ 39% (vượt 19% so với nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 68/NQ-CP).

Báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 cho thấy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là một trong 4 Bộ và cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100% trong cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”, hoàn thành việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp 20 thủ tục hành chính. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang tiếp tục khẩn trương rà soát, để tiếp tục phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lộ trình triển khai sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng là 1 trong 8 Bộ, cơ quan hoàn thành 100% việc thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính và giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã rà soát quy trình và biểu mẫu điện tử của 27/27 thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cổng dịch vụ công quốc gia; tổ chức cắt giảm 04 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thi đua khen thưởng, 10 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin theo hướng cắt bỏ toàn bộ các trường thông tin khai thác được cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, các thông tin số hóa từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó. Đồng thời, chủ động điều chỉnh quy trình, cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử (VneID) tương đương với giấy tờ giấy đã được quy định tại các Thông tư ban hành trong năm 2024.

Để tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính nhất là triển khai hiệu quả các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đưa đất nước vững bước tiến vào Kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc, trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tập trung cải cách hành chính với 3 đột phá chiến lược: Hoàn thành việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Hoàn thành việc rà soát và xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến việc thay đổi tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương. Đồng thời, tiếp tục thực hiện nghiêm việc cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, kể cả đối với các thủ tục của tổ chức tín dụng mang tính chất phục vụ.

Nguồn: thoibaonganhang.vn

ĐỒNG NAI: TĂNG GIÁM SÁT, GIẢM SAI PHẠM

Hội đồng nhân dân các cấp đã triển khai nhiều kế hoạch giám sát đối với từng vấn đề cụ thể được người dân và báo chí phản ánh. Trong quá trình giám sát có sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền, nhờ đó nhiều vụ việc được chấn chỉnh kịp thời, lòng tin của nhân dân và cử tri được củng cố.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Hoàng Thị Bích Hằng cho biết: “Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đã đi vào thực chất hơn, chính quyền các địa phương đã có sự chủ động phối hợp trong quá trình giám sát và sẵn sàng thực hiện nghiêm kết luận sau giám sát”.

Đi vào từng vấn đề cụ thể

Theo Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, thời gian qua, không chỉ Hội đồng nhân dân tỉnh, mà Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố đã triển khai nhiều cuộc giám sát từ phản ánh của người dân và qua nắm bắt thông tin của báo chí, thậm chí là mạng xã hội. Chẳng hạn, khi báo chí phản ánh về hoạt động của các bến thủy nội địa trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, Hội đồng nhân dân huyện đã tiến hành giám sát ngay. Khi Hội đồng nhân dân huyện giám sát và ban hành kết luận đã giúp cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý các bến thủy nội địa nhìn nhận rõ hơn những bất cập trong công tác quản lý, từ đó đảm bảo an toàn hơn trong quá trình hoạt động.

Hay như phản ánh của báo chí về xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp ở địa bàn huyện Long Thành, Hội đồng nhân dân huyện khẩn trương vào cuộc giám sát. Hoạt động giám sát này không chỉ qua báo cáo bằng văn bản của chính quyền, các đơn vị liên quan, mà lãnh đạo Hội đồng nhân dân các huyện đã trực tiếp xuống hiện trường giám sát thực tế, từ đó có đánh giá toàn diện và khách quan.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Thái Bảo: Giám sát những vấn đề trọng tâm

Năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết nghị những vấn đề giám sát rất trọng tâm, trong đó có giám sát chuyên đề giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Ngoài giám sát với Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ giám sát trực tiếp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Bên cạnh đó, sẽ giám sát thực hiện các kết luận thanh tra, các dự án trọng điểm mà Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thông qua từ đầu nhiệm kỳ đến nay.

Phó bí thư thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Thống Nhất Nguyễn Huy Du cho rằng, hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và huyện rất cần thiết, giúp cho chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả hơn.

Ông Nguyễn Huy Du nêu dẫn chứng, trên địa bàn huyện có những bản án dân sự kéo dài nhiều năm nhưng không thực hiện được. Nguyên nhân của sự chậm trễ kéo dài này chính là vì cơ quan thi hành án chưa quyết liệt, hoặc còn lúng túng trong cách hiểu và thực hiện. Trong một số vụ việc cụ thể, thậm chí cơ quan thi hành án dân sự còn ban hành quyết định sai quy định. Sau khi Hội đồng nhân dân huyện giám sát đã chỉ ra được những sai sót này và yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phải thực hiện đúng quy định, từ đó đã giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc.

Cụ thể là vụ án tranh chấp tài sản tại xã Gia Tân 2 (huyện Thống Nhất), dù đã xảy ra từ năm 2012 nhưng mới đây, nhờ Hội đồng nhân dân huyện vào cuộc giám sát, hai bên đã ngồi lại và thống nhất được hướng giải quyết. Hay cách đây chưa lâu, khi Hội đồng nhân dân giám sát cơ quan thi hành án dân sự thực hiện sai quyết định về giao dịch tài sản của người dân, Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân huyện đã vào cuộc giám sát ngay. Khi có sự giám sát

kip thời, cơ quan thi hành án đã xin rút lại quyết định và xin lỗi người dân. Kết quả giám sát này được người dân đánh giá rất cao về vai trò của Hội đồng nhân dân huyện và là động lực cho cơ quan Hội đồng nhân dân huyện đến gần với cử tri hơn.

Làm thực chất để nâng tầm vị thế Hội đồng nhân dân

Theo lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp huyện của một số địa phương, hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã rất quan trọng, nhưng vẫn còn khó khăn và tồn tại. Đơn cử như nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân ở các huyện và xã là những cán bộ kiêm nhiệm, thời gian dành cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và nhất là hoạt động giám sát chưa nhiều.

Bên cạnh đó, vấn đề mang tính chuyên môn, nghiệp vụ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã cũng là một trong những thử thách và hạn chế lớn. Hạn chế này đòi hỏi sự hỗ trợ nhiều hơn từ các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai trong quá trình triển khai giám sát khi có đề nghị hỗ trợ.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Trảng Bom Lưu Thị Ngọc Quế cho biết, năm 2024, Hội đồng nhân dân huyện đã hoàn thành sớm kế hoạch giám sát từ tháng 10. Tuy nhiên, khi Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có chỉ đạo tăng cường giám sát với hoạt động thu, chi đầu năm học 2024 - 2025, Hội đồng nhân dân huyện tiếp tục giám sát thêm chuyên đề này. Qua giám sát đã chỉ ra một số cơ sở giáo dục thu, chi chưa đúng quy định và chấn chỉnh kịp thời, hạn chế bức xúc của người dân.

Bà Lưu Thị Ngọc Quế cho biết thêm, năm 2025, Hội đồng nhân dân huyện sẽ tiếp tục đưa nội dung thu, chi trong trường học vào chương trình giám sát.

Cử tri Lâm Văn Dũng (ngụ phường Bửu Long, TP. Biên Hòa) cho rằng, Hội đồng nhân dân cấp xã, huyện phải vào cuộc giám sát quyết liệt hơn với những vấn đề cử tri quan tâm. Đơn cử như nhiều dự án hạ tầng được người dân kỳ vọng rất lớn nhưng dự án nào cũng chậm tiến độ và chưa biết khi nào mới hoàn thành dứt điểm và đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Hội đồng nhân dân cần giám sát để làm rõ hơn trách nhiệm của chính quyền, các đơn vị liên quan, bởi dự án chậm tiến độ sẽ rất lãng phí.

Theo đánh giá của Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Dương Minh Dũng, hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và huyện góp phần quan trọng nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai mong năm 2025, Hội đồng nhân dân các cấp sẽ đẩy mạnh hoạt động giám sát với những vấn đề “nóng” như công tác cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp của chính quyền. Khi xây dựng các chương trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai rất cần các ban của Hội đồng nhân dân phối hợp góp ý ngay từ đầu để có chất lượng hơn.

Nguồn: baodongnai.com.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ DỰ ÁN LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ XỬ LÝ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Ngày 20/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 15/NQ-CP về dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Không tạo ra khoảng trống pháp lý hoặc xung đột pháp luật

Về dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi), Nghị quyết nêu rõ, Chính phủ cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) do Bộ Tư pháp trình tại Tờ trình số 10/TTr-BTP ngày 17/01/2025. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi), trong đó lưu ý một số yêu cầu sau:

Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, ý kiến kết luận của Bộ Chính trị và các yêu cầu, quan điểm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Luật này.

Quán triệt tinh thần đổi mới, thông thoáng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng pháp luật; quy định đầy đủ, toàn diện, bao quát các vấn đề có liên quan, không tạo ra khoảng trống pháp lý hoặc xung đột pháp luật; tăng cường phân cấp, phân quyền, nhất là cho địa phương; xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, không bao biện, làm thay; quy trình phải đơn giản, ngắn gọn, giảm thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường trách nhiệm giải trình, đề xuất của các cơ quan, tổ chức trình dự án luật trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua; tăng cường xem xét, thông qua luật trong một kỳ họp; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

Bảo đảm cơ sở pháp lý cho bộ máy nhà nước đi vào hoạt động thông suốt, không bị gián đoạn sau khi thực hiện sắp xếp

Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Nghị quyết nêu, Chính phủ cơ bản thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết và 03 Chính sách do Bộ Tư pháp trình tại Tờ trình số 06/TTr-BTP ngày 12/01/2025 trên cơ sở tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 18/01/2025 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 01/2025, cụ thể:

Chính sách 1: Xử lý những vấn đề chung, có tính nguyên tắc nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Chính sách 2: Xử lý các vấn đề liên quan đến thẩm quyền nội dung của một số chủ thể, tạo cơ sở pháp lý cho các chủ thể này được quyền quy định khác luật của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị và thẩm quyền quy định các nội dung trên.

Chính sách 3: Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm xử lý đối với các vấn đề khác phát sinh sau khi các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng chưa dự liệu được hết trong Nghị quyết nhằm không làm gián đoạn hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, người dân, doanh nghiệp và việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở thể chế hóa 03 nội dung Chính sách, Chính phủ cơ bản thống nhất dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước do Bộ Tư pháp trình tại Tờ trình số 07/TTr-BTP ngày 13/01/2025. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, bảo đảm cơ sở pháp lý cho bộ máy nhà nước đi vào hoạt động thông suốt, không bị gián đoạn sau khi thực hiện sắp xếp, thực hiện đúng ý kiến kết luận của Bộ Chính trị và các yêu cầu, quan điểm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Nghị quyết này.

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm về nội dung tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội; chủ động báo cáo, giải trình trong quá trình thẩm tra, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật, dự thảo Nghị quyết; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi) và Tờ trình của Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trình Quốc hội chậm nhất là ngày 20/01/2025.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH MỚI VỀ THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI CỦA VIỆT NAM THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIỀN BỘ XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) giai đoạn 2022 - 2027 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023 của Chính phủ.

Nghị định này bổ sung các quy định về thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man).

Theo đó, thuế suất áp dụng cho Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) giai đoạn 2024 - 2027 quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 115/2022/NĐ-CP: a) Từ ngày 15/12/2024 đến hết ngày 31/12/2024 tại cột có ký hiệu "(IV)"; b) Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 tại cột có ký hiệu "(V)"; c) Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 tại cột có ký hiệu "(VI)"; d) Từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2027 tại cột có ký hiệu "(VII)".

Bên cạnh đó, Nghị định cũng bổ sung các quy định về điều kiện áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man).

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/01/2025 đến hết ngày 31/12/2027.

Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2022 - 2027, Nghị định số 68/2023/NĐ-CP ngày 07/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2027.

Nghị định nêu rõ, đối với các tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt Giơ-xy và Đảo Man) hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bao gồm cả 3 vùng lãnh thổ hải ngoại gồm Địa hạt Gu-en-xi, Địa hạt

Giơ-xy và Đào Man) đăng ký từ ngày 15/12/2024 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định này, Nghị định số 115/2022/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 68/2023/NĐ-CP và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ CÔNG AN: BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH

Ngày 16/01/2025, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Thông tư số 06/2025/TT-BCA bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 9 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành sau đây:

- Thông tư số 09/TT-BNV(X11) ngày 12/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ thanh toán dạy thêm giờ.
- Thông tư số 09/2004/TT-BCA(V19) ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn áp dụng một số biện pháp bảo vệ người tố giác, người làm chứng, người bị hại trong các vụ án về ma túy.
- Thông tư số 41/2009/TT-BCA-V19 ngày 02/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an bổ sung Thông tư số 12/2004/TT-BCA(V19) ngày 23/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong Công an nhân dân.
- Thông tư số 51/2012/TT-BCA ngày 10/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ học tập lý luận chính trị trong Công an nhân dân.
- Thông tư số 41/2014/TT-BCA ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân, viên chức trong Công an nhân dân.
- Thông tư số 55/2017/TT-BCA ngày 16/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biện pháp thi hành cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân.
- Thông tư số 04/2020/TT-BCA ngày 10/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức vụ tương đương trong Công an nhân dân.
- Quyết định số 1103/2000/QĐ-BCA (E17) ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy định về sản xuất, tồn trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối, sử dụng, tiêu hủy chất CS và bình xịt hơi cay có chứa chất CS làm công cụ hỗ trợ của lực lượng Công an nhân dân.
- Quyết định số 767/2002/QĐ-BCA ngày 21/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành biểu mẫu để sử dụng khi đăng ký chất lượng sản phẩm và sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành. Cụ thể:

Bãi bỏ cụm từ “có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi người không quốc tịch tạm trú” tại điểm b Khoản 2 Điều 5 và điểm c Khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2025.

Cao Tuấn Anh - Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH

Ngày 31/12/2024, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký ban hành Thông tư số 23/2024/TT-BTTTT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Theo Thông tư, bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc liên tịch ban hành sau đây:

1. Thông tư số 10/2010/TT-BTTTT ngày 26/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và cung cấp dịch vụ trợ giúp tra cứu số máy điện thoại cố định qua mạng viễn thông.

2. Thông tư số 11/2010/TT-BTTTT ngày 14/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động.

3. Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất.

4. Thông tư số 16/2012/TT-BTTTT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phương pháp xác định và chế độ báo cáo giá thành dịch vụ viễn thông.

5. Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

6. Thông tư số 11/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông thực hiện báo cáo giá thành thực tế, giá thành kế hoạch.

7. Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

8. Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

9. Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ trung ương đến địa phương.

10. Thông tư số 09/2015/TT-BTTTT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, tổ chức hoạt động ủng hộ qua Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia.

11. Thông tư số 10/2015/TT-BTTTT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giá cước kết nối dịch vụ nhắn tin đến Cổng thông tin điện tử nhân đạo Quốc gia (cổng 1400).

12. Thông tư số 17/2016/TT-BTTTT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về quy trình, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

13- Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới.

14. Thông tư số 39/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong lĩnh vực viễn thông.

15. Thông tư số 40/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về đào tạo, cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.

16. Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

17. Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

18. Thông tư số 08/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BTTTT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về quy trình, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

19. Thông tư số 21/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về cung cấp và sử dụng số liệu viễn thông.

20. Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

21. Thông tư số 47/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hạn mức khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất.

22. Thông tư số 16/2018/TT-BTTTT ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong lĩnh vực viễn thông.

23. Thông tư số 23/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020.

24. Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT ngày 14/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

25. Thông tư số 36/2020/TT-BTTTT ngày 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về đào tạo, cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.

26. Thông tư liên tịch số 16/2009/TTLT-BTTTT-BCA ngày 12/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Công an về phối hợp phòng, chống in lậu.

27. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 21/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

28. Thông tư liên tịch số 38/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 21/7/2015 hướng dẫn hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

29. Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành sau đây:

1. Bãi bỏ một phần Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin về truyền thông như sau:

a) Khoản 1 Điều 16 (được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông);

b) Khoản 1 Điều 17 (được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông);

c) Điều 18 (được sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông);

d) Điều 19, Điều 20, Phụ lục V và VI;

đ) Phụ lục II (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông).

e) Phụ lục IV (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 15 Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông và Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông).

2. Bãi bỏ một phần Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu như sau:

a) Khoản 3 Điều 3 (được bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu);

b) Khoản 1, Khoản 4 Điều 6 và Phụ lục III;

c) Điểm a Khoản 1 Điều 7 (được bổ sung bởi điểm a Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu);

d) Điểm b và c Khoản 3 Điều 7 (được bổ sung bởi điểm c Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu).

3. Cụm từ “và phải đăng ký công bố hợp quy tại Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại khoản 2 Điều này” tại Khoản 1 Điều 4, Khoản 2 Điều 4 và Mẫu số 02 Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chất lượng dịch vụ bưu chính.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: QUY ĐỊNH MỚI VỀ BÁO CÁO THẨM ĐỊNH, KIỂM TRA, BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Ngày 31/12/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động đầu thầu.

Theo đó, Thông tư này quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

Cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu

Thông tư quy định, định kỳ hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu trên cả nước.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đầu thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu thầu theo định kỳ hằng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia hoặc báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp có yêu cầu về bảo mật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu giúp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

Chủ đầu tư, bên mời thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu của các gói thầu, dự án của mình đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 3 Điều này.

Thời gian báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước gửi báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

Chủ đầu tư, bên mời thầu gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định về chuyển tiếp. Cụ thể:

Đối với Quyết định kiểm tra hoạt động đấu thầu được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc kiểm tra thực hiện theo Quyết định đó và quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Đối với hồ sơ yêu cầu được phát hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT.

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ yêu cầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ yêu cầu nhưng chưa phát hành thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ yêu cầu theo quy định của Thông tư này.

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT chưa lập hồ sơ mời thầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu nhưng chưa phát hành thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2025.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Chấp hành Trung ương Đảng:

Thông nhất đề đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương thôi giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tập trung thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban Bí thư.

Bầu bổ sung 3 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII, gồm các đồng chí: Nguyễn Duy Ngọc, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Nguyễn Hồng Lĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai; Đoàn Anh Dũng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Bầu đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng giữ chức vụ Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII.

Bầu bổ sung đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương giữ chức vụ Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII.

* Bộ Chính trị:

Quyết định số 1818-QĐNS/TW ngày 17/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về việc Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Đồng Nai Quán Minh Cường thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020 - 2025, điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và chỉ định tham gia Đảng ủy Quân khu I, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định đồng chí Bùi Văn Nghiêm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, nhiệm kỳ 2020 - 2025, điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương.

Quyết định điều động, chỉ định đồng chí Nguyễn Hồ Hải, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy TP. Hồ Chí Minh giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định đồng chí Nguyễn Tiến Hải, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau, nhiệm kỳ 2020 - 2025, điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang, nhiệm kỳ 2020-2025 thay đồng chí Đỗ Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang nhận nhiệm vụ mới.

Quyết định đồng chí Nguyễn Văn Hiếu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Cần Thơ, nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương.

Quyết định đồng chí Đỗ Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Kiên Giang thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Cần Thơ, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định đồng chí Nguyễn Mạnh Dũng, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thôi giữ chức vụ Quyền Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang; điều động về Văn phòng Trung ương Đảng để chờ phân công công tác khác.

Quyết định điều động đồng chí Hầu A Lênh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc thôi giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự Đảng, điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang và chỉ định tham gia Đảng ủy Quân sự Quân khu II, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Ủy ban Thường vụ Quốc hội:**

Nghị quyết số 1368/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị ông Đặng Xuân Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chuyển sinh hoạt từ Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghị quyết số 1367/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn cho thôi giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội khóa XV để tập trung điều trị bệnh theo nguyện vọng cá nhân, kết thúc biệt phái, trở lại công tác tại Bộ Công an đối với ông Trần Ngọc Khánh. Các chế độ, chính sách do Bộ Công an thực hiện theo quy định của pháp luật. Ông Trần Ngọc Khánh tiếp tục là đại biểu Quốc hội khóa XV.

Nghị quyết số 1366/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ nhiệm lại ông Hoàng Anh Công, Phó Trưởng ban Ban Dân nguyện giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân nguyện, kể từ ngày 15/02/2025.

Nghị quyết số 1364/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội khóa XV đối với ông Dương Văn An, đại biểu Quốc hội khóa XV thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghị quyết số 1356/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả bầu bà Võ Thị Minh Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, đại biểu Quốc hội khóa XV làm Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Nghệ An.

Nghị quyết số 1352/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Nguyễn

Thị Hương, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, kể từ ngày 02/01/2025.

Nghị quyết số 1348/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lâm Minh Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, kể từ ngày 26/12/2024.

Nghị quyết số 1347/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Mai Văn Huỳnh, kể từ ngày 26/12/2024 để nghỉ hưu.

Nghị quyết số 1346/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn kết quả bầu bà Đặng Thị Ngọc Mai, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Long An giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kể từ ngày 10/12/2024.

*** Thủ tướng Chính phủ:**

Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 21/01/2025 về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Khắc Thận, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 21/01/2025 về việc phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định số 189/QĐ-TTg ngày 18/01/2025 về việc bổ nhiệm ông Trịnh Mạnh Linh, Trợ lý Thủ tướng Chính phủ giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 22/01/2025 về việc bổ nhiệm lại ông Vũ Hải Quang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV).

Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 22/01/2025 về việc bổ nhiệm lại ông Phạm Mạnh Hùng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV).

Quyết định số 209/QĐ-TTg về việc điều động, bổ nhiệm đồng chí Trung tướng Đỗ Văn Thiện, Chính ủy Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng giữ chức Chính ủy Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng.

Quyết định số 208/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm đồng chí Thiếu tướng Lương Văn Kiểm, Phó Tư lệnh Quân khu 3, Bộ Quốc phòng giữ chức Tư lệnh Quân khu 3, Bộ Quốc phòng.

Quyết định số 205/QĐ-TTg về việc điều động, bổ nhiệm Trung tướng Trần Minh Đức, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng giữ chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Nguyễn Quốc Toàn, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Bộ Công an, kể từ ngày 20/01/2025.

Đại tá Trần Văn Dương, Phó Giám đốc Công an TP. Cần Thơ được điều động đến nhận công tác và giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng.

Trung tá Đinh Tùng An, nguyên Trưởng phòng của một Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Cần Thơ.

Trung tá Nguyễn Kim Trung, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Đà Nẵng.

*** Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc:**

Ông Trần Việt Trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ được thống nhất hiệp thương, bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá X, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÔNG BÁO

Ban biên tập Bản tin điện tử Cải cách hành chính của Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trân trọng thông báo: Bản tin điện tử cải cách hành chính sẽ dừng phát hành trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025 (Từ ngày 25/01/2025 đến hết ngày 02/02/2025).

Sau thời gian này, Bản tin sẽ được xuất bản trở lại hàng tuần như thường lệ.

Trân trọng!

**BAN BIÊN TẬP BẢN TIN ĐIỆN TỬ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**